



HỘI AN
TOURIST HOLDING COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Quảng Nam, tháng 03 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Giấy Chứng nhận ĐKKD: số 4000102418 thay đổi lần thứ 05 vào ngày 06/04/2011 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam cấp

Tên giao dịch: HOIAN TOURIST SERVICE CO.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng

Trụ sở chính: 10 Trần Hưng Đạo – TP Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Số điện thoại: (84) 510.3861522 – 510.3861248 – 510.3910885

Số Fax: (84) 510.3911099

Website: www.hoiantourist.com

Số lượng cổ phiếu phát hành: 8.000.000 cổ phiếu

Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HSX)

Mã cổ phiếu: HOT

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 02 Quá trình hình thành và phát triển
- 03 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 04 Cơ cấu tổ chức
- 06 Định hướng phát triển
- 08 Các yếu tố rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bài phỏng vấn Tổng Giám đốc

Giám đốc Chi nhánh nói gì về tình hình hoạt động năm 2012

- 10 Tổng quan Tình hình hoạt động kinh doanh
- 19 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 24 Báo cáo của Hội đồng Quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 29 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 31 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 32 Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

- 34 Văn hóa doanh nghiệp
- 35 Trách nhiệm cộng đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 37 Ý kiến kiểm toán
- 38 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Đối tác, Quý khách hàng cùng Toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An.

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, đặc biệt là lĩnh vực Du lịch – Dịch vụ. Tình hình nợ công ở các nước phát triển đã hạn chế tiêu dùng và đi lại của người dân, làm cho lượng khách du lịch từ châu Âu đến Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng giảm sút, rõ rệt nhất là trong 3 tháng cuối năm. Quay về tình hình kinh tế trong nước, sự cạnh tranh trong ngành du lịch trên địa bàn Hội An, Đà Nẵng ngày càng diễn ra gay gắt, phức tạp nên ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty và thu nhập của người lao động.

Đứng trước những khó khăn, thách thức đó, phát huy những thành tựu của Công ty đã đạt được những năm trước, Hội đồng Quản trị cùng với Ban điều hành đã có nhiều định

hướng, chiến lược phát triển đúng, kịp thời và đề ra nhiều biện pháp thiết thực về quản trị Công ty phù hợp với điều kiện thực tế. Thêm vào đó nhờ vào sự tin tưởng của khách hàng, sự nỗ lực phấn đấu và đoàn kết của một tập thể, Công ty đã đạt được mức tăng trưởng khả quan. Doanh thu toàn Công ty năm 2012 đạt 160.986 triệu đồng đạt 98,52% kế hoạch năm, tăng 18,18% so với cùng kỳ 2011; lợi nhuận

trước thuế thực hiện năm 2012 là 45.436 triệu đồng, đạt 100,95% kế hoạch năm, tăng 25,75% so với năm trước. Nhìn chung, so với mục tiêu đã đặt ra cho năm 2012, tuy doanh thu chưa đạt như kế hoạch đã đề ra nhưng các chỉ tiêu khác và lợi nhuận trước thuế đạt kế hoạch và tăng 25,75% so với năm 2011, thu nhập người lao động tăng 16,3% so với năm 2011.

Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, tôi thấu hiểu, chia sẻ và trân trọng những tâm tư, đóng góp của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi gửi tới các anh chị em lời cảm ơn để ghi nhận những nỗ lực vươn lên trong công việc của mỗi cá nhân cũng như từng đơn vị cho mục tiêu chung của Công ty.

Bằng tất cả sự trân trọng của mình, tôi chân thành cảm ơn sự đồng lòng chia sẻ của Quý cổ đông, sự hợp tác quý báu của Quý khách hàng trong thời gian qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác tốt đẹp từ Quý vị trong những năm tiếp theo.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DU LỊCH DỊCH VỤ
HỘI AN
TP. HỘI AN - T. QUẢNG NAM
Nguyễn Văn Ban



PHẦN 1



GIỚI THIỆU CÔNG TY



Quá trình hình thành và phát triển 02

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 03

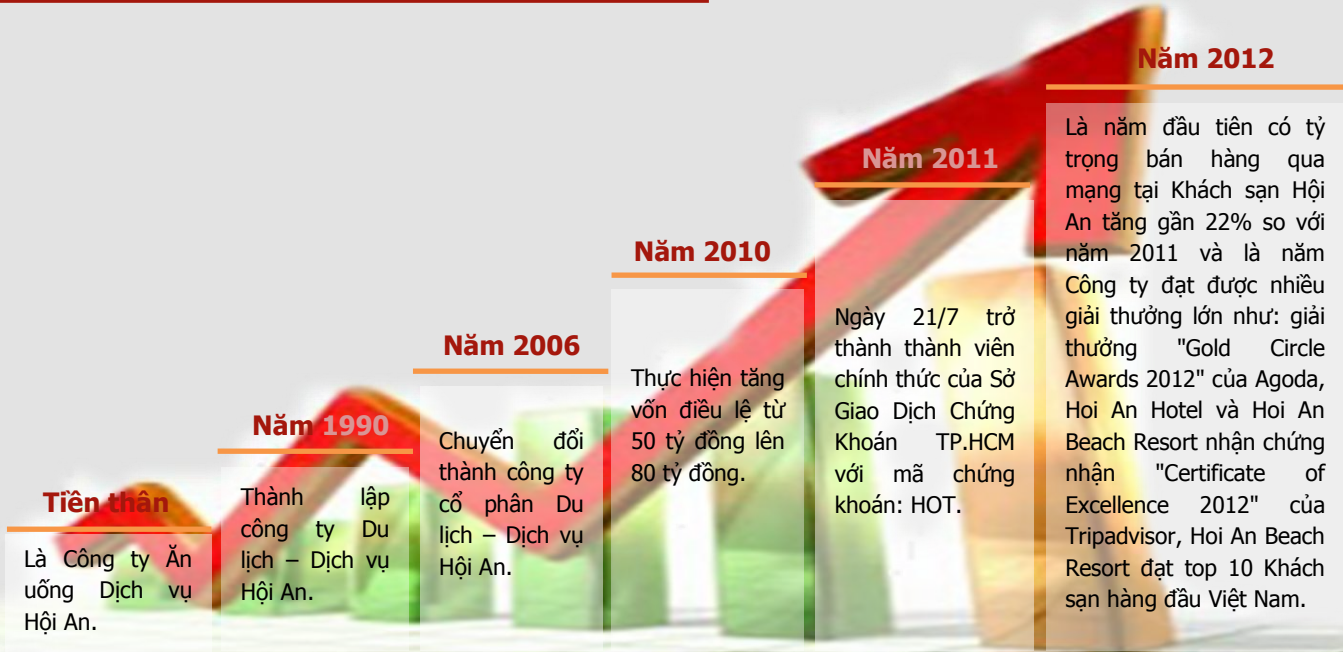
Cơ cấu tổ chức 04

Định hướng phát triển 06

Các yếu tố rủi ro 08



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



5 năm liền (1999 – 2004) và năm thứ 6 vào năm 2008

Khách Sạn Hội An đạt danh hiệu "10 Khách Sạn hàng đầu của Việt Nam" do Hiệp Hội Du Lịch Việt Nam và Tổng Cục Du Lịch Việt Nam bình chọn.

Năm 1999

Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng III.

Năm 2004

Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng II.

Năm 2005

Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

Năm 2008

Giải thưởng Nhân Ái Việt Nam.

Năm 2010

- Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng I.
- Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen nhiều năm liền hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.
- Nhiều năm liền được Thời Báo Kinh Tế Việt Nam bình chọn: Best Hotel Service in Hoi An.



Năm 2011

Khu du lịch Biển Hội An đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam.

Hoi An Hotel nhận giải thưởng "Gold Circle Awards 2011" của Agoda.

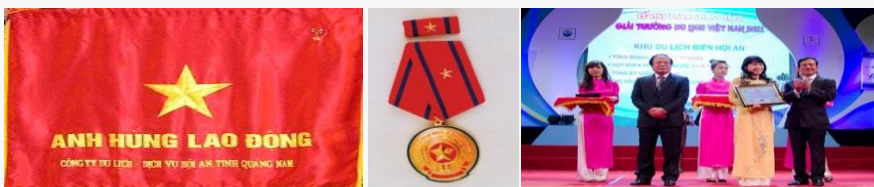
Năm 2012

Hoi An Hotel nhận giải thưởng "Golden Circle Awards 2012" – Giải thưởng vàng thường niên năm 2012.

Hoi An Beach Resort đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam.

Hoi An Hotel và Hoi An Beach Resort nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2012" của Tripadvisor.

Đạt 3 và 4 bông sen theo tiêu chí nhãn du lịch bền vững "Bông Sen Xanh".



GIỚI THIỆU CÔNG TY

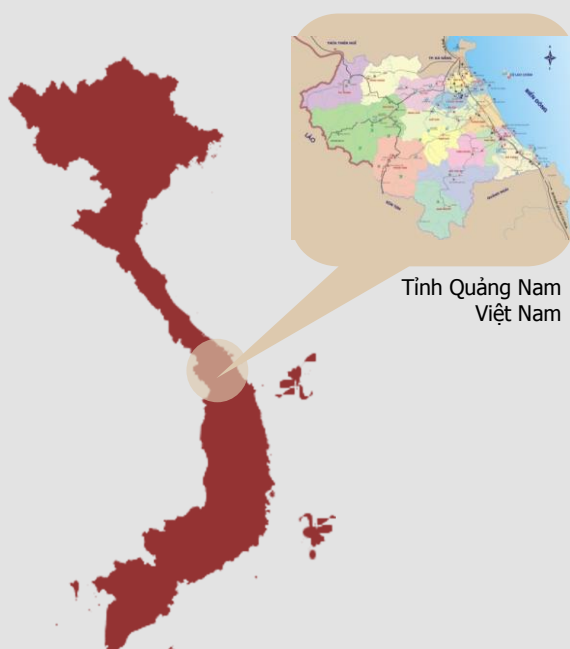
- Khách sạn ♦
- Hoạt động các cơ sở thể thao ♦
- Điều hành tua du lịch ♦
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương ♦
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới ♦
- Đại lý, môi giới, đấu giá ♦
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự ♦
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú ♦
- Hoạt động các câu lạc bộ thể thao ♦
- Kinh doanh bất động sản, quyền sở hữu đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê ♦
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống ♦
- Hoạt động vui chơi giải trí khác ♦
- Vận tải hành khách đường bộ khác ♦
- Hoạt động viễn thông khác (Dịch vụ Internet) ♦
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình ♦



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CHÍNH



Tỉnh Quảng Nam
Việt Nam

Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ
Hội An - **Khách sạn Hội An**



Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ
Hội An - **Trung tâm Lễ hành Hội An**



Chi nhánh Công ty CP Du Lịch – Dịch vụ
Hội An - **Xí nghiệp giặt Hội An**



Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ
Hội An - **Khu du lịch Biển Hội An**

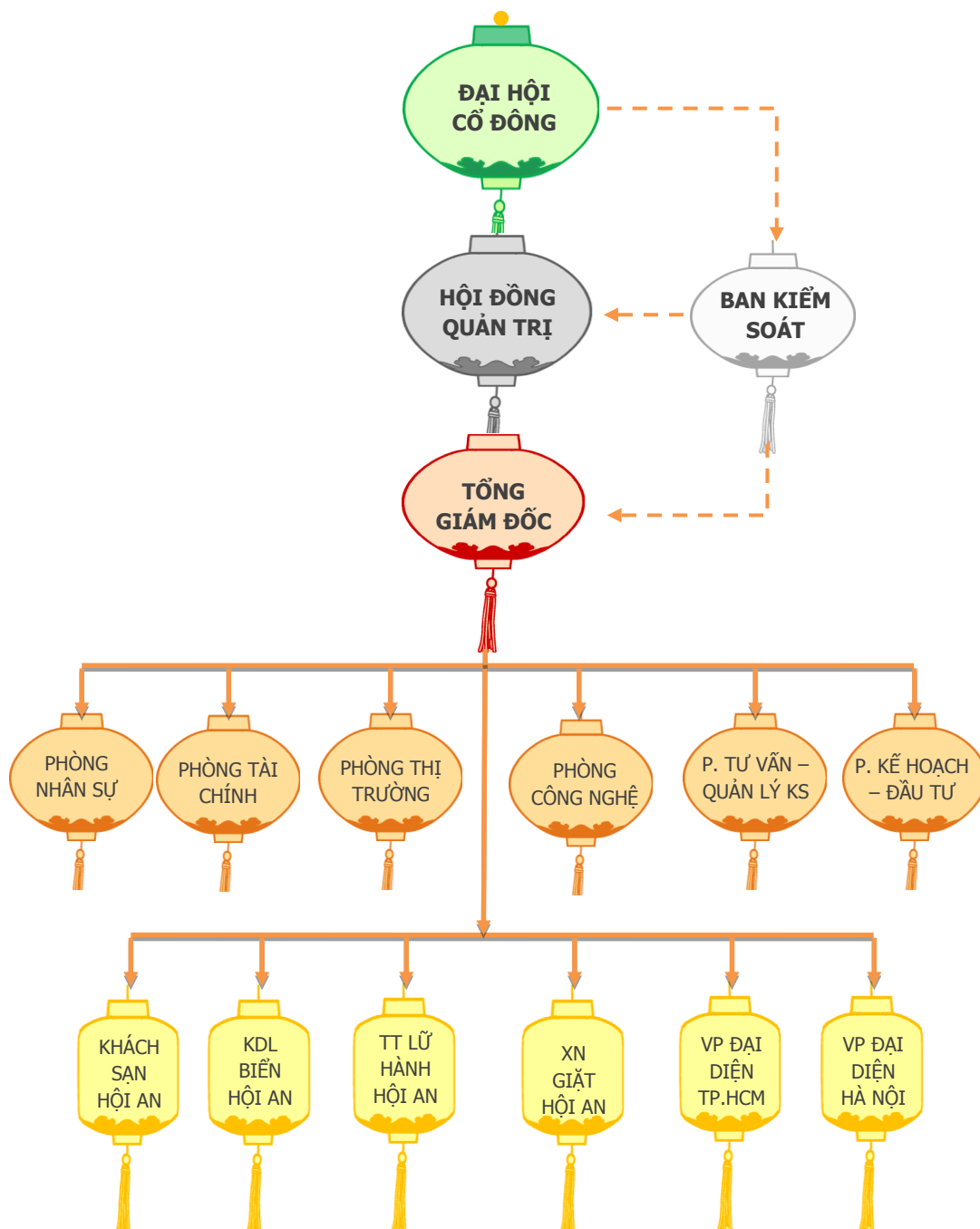


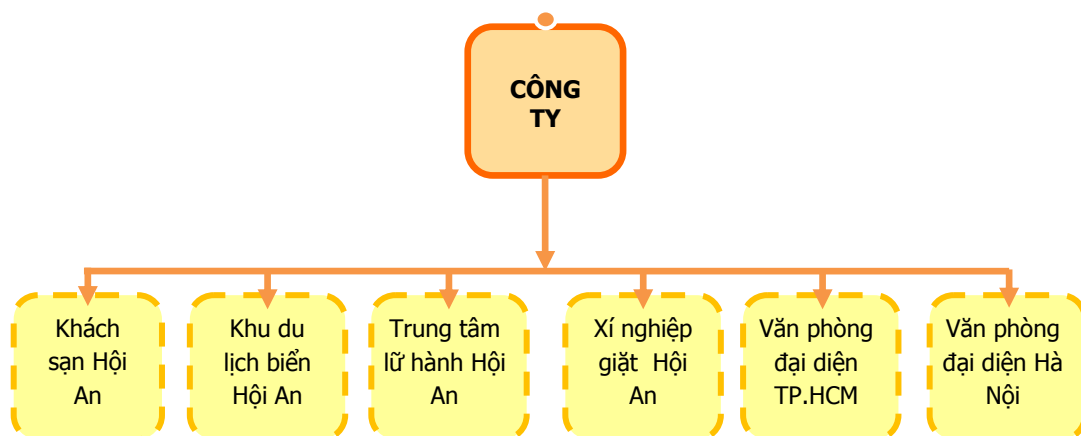
CƠ CẤU TỔ CHỨC



Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần.



☆ **Mô hình quản trị****Các đơn vị trực thuộc Công ty****Địa chỉ**

| | |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty CP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - <i>Khách sạn Hội An</i> | 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty CP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - <i>Khu du lịch Biển Hội An</i> | 01 Cửa Đại, Hội An, Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty CP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - <i>Trung tâm Lữ hành Hội An</i> | 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty CP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - <i>Xí nghiệp giặt Hội An</i> | 99A Cửa Đại, Hội An, Quảng Nam |
| Văn phòng đại diện Công ty CP Du Lịch – Dịch vụ Hội An tại TP Hồ Chí Minh | Tầng 8 Phòng 803 Tòa nhà Smart View, số 161A-163-165 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang – Quận 1 TP. Hồ Chí Minh |
| Văn phòng đại diện Công ty CP Du Lịch – Dịch vụ Hội An tại Hà Nội | Tầng 5, số 559 Kim Mã – Quận Ba Đình – TP. Hà Nội |

☆ **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với mục tiêu không ngừng phát triển để xứng đáng với "Vị thế người dẫn đầu" về dịch vụ du lịch tại miền trung Việt Nam, Công ty còn hướng tới là người dẫn đầu về dịch vụ du lịch Việt Nam trong thời điểm đang hội nhập với thế giới. Để làm được điều đó Công ty CP Du Lịch – Dịch Vụ Hội An sẽ đầu tư và phát triển nhiều sản phẩm về Du Lịch trên khắp Việt Nam trong tương lai gần. Trong đó sẽ tập trung nhân lực và tài chính để phát triển tổng lực từ nhiều hướng kinh doanh như kinh doanh tài chính ngân hàng, đầu tư các khu vui chơi giải trí, khu du lịch sinh thái, sân golf tiêu chuẩn quốc tế và khu nghỉ dưỡng cao cấp...

↑15 → 18%
Doanh thu mỗi năm

↑100%
Doanh thu
dịch vụ so với 2010

↑18 → 20%
Lợi nhuận

↑5 → 10%
Nguồn khách
Giá phòng

Đạt 70 %
Công suất buồng phòng

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để thực hiện chiến lược phát triển Công ty từ 2010-2020, từ nay đến năm 2015 đưa Công ty Cổ phần Du lịch-Dịch vụ Hội An trở thành một trong năm Công ty du lịch có quy mô lớn, có hiệu quả cao tại miền Trung, chiếm thị phần từ 15 - 20% tại thị trường du lịch Quảng Nam.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

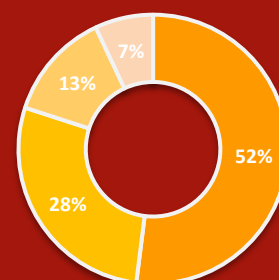
Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Công ty duy trì và thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, công nhân lao động, nhất là phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,... gắn với việc thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa", "Đảm bảo an ninh trật tự trong doanh nghiệp"... nhằm góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra cho năm 2013. Duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động. Tham gia có hiệu quả các phong trào văn hóa, các hoạt động thể thao do thành phố, tỉnh tổ chức. Đi đôi với nhiệm vụ kinh doanh, Công ty không ngừng chú trọng đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và xem đây là một tài sản lớn vô hình, vô giá của Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững thông qua hoạt động phong trào "Đơn vị có đời sống văn hóa tốt" và phong trào "Xanh, sạch đẹp" để giữ được môi trường du lịch lành mạnh.

- Tiếp tục duy trì phong trào phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc con cựu Thanh niên xung phong nhiễm chất độc da cam; hưởng ứng và tham gia đầy đủ các Quỹ do chính quyền và đoàn thể các cấp phát động; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Mục tiêu cơ cấu dịch vụ

- Lưu trú
- Ăn uống
- Lễ hành
- Dịch vụ khác



Vị thế người dẫn đầu

Được thành lập vào tháng 04/1990 trên cơ sở hợp nhất hai Công ty Dịch vụ Ăn uống và Công ty Du lịch; được cổ phần hóa vào năm 2006 - Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10/2006. Qua hơn 20 năm khẳng định và phát triển bền vững, đến nay, Công ty CP Du lịch - Dịch Vụ Hội An đã phát huy được những thế mạnh của mình - vị thế thuận lợi với vai trò là điểm dừng chân cho con đường Di sản Miền Trung (Huế - Hội An - Mỹ Sơn) - thiên nhiên ưu đãi (mát vào mùa hè và ấm vào mùa đông) - gắn liền với các di tích lịch sử cách mạng của địa phương. Bằng nhiều biện pháp kinh doanh phù hợp, Công ty đã từng bước đưa thương hiệu ngày càng phát triển và hội nhập, tạo môi trường làm việc ổn định và gắn bó cho người lao động, đồng thời đóng góp cao vào ngân sách nhà nước, tham gia tích cực các công tác xã hội như bảo tồn văn hóa, các hoạt động nhân đạo và từ thiện...

Vì vậy trong 20 năm qua, công ty đã được nhà nước, các ban ngành tặng nhiều phần thưởng cao quý, năm 2005 được nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới" và gần đây nhất, năm 2010 với danh hiệu "Anh hùng lao động hạng nhất". Những danh hiệu này chính là động lực để Công ty tiếp tục phát huy sức sáng tạo, lao động nhằm phát triển và gìn giữ vị thế của người dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ du lịch tại miền Trung nói riêng và Việt Nam nói chung.

Sứ mệnh

Đối với thị trường: Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ du lịch với chất lượng cao mang tầm quốc tế, không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng tạo sự khác biệt nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng.

Đối với nhân viên: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên. Xây dựng các chương trình bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ hằng năm cho nhân viên.

Đối với xã hội: Đóng góp tích cực vào các chương trình hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc. Cân bằng lợi ích xã hội và doanh nghiệp.

Đối với cổ đông: Không ngừng tạo ra các thặng dư nhằm đảm bảo các giá trị đầu tư bền vững cho cổ đông.

Giá trị cốt lõi

- Đề cao sự sáng tạo, tính hiệu quả trong công việc.
- Đầu tư bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm.
- Coi trọng việc nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm
- Tập thể đoàn kết, ứng xử nhân văn và coi trọng sự trung thành.
- Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp dựa trên tinh thần "vị thế của người dẫn đầu".

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v. đều ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh tế suy thoái, thất nghiệp tăng cao sẽ ảnh hưởng xấu đến thu nhập của người dân, dẫn đến các nhu cầu du lịch, vui chơi, nghỉ dưỡng bị hạn chế ở mức thấp để ưu tiên cho các hoạt động thiết yếu khác. Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2012 chỉ đạt 5,03% trong khi CPI tăng 6,81%, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động về lưu trú, lữ hành như CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

Rủi ro về thị trường

Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch lưu trú lữ hành dẫn tới sự cạnh tranh giữa các công ty diễn ra ngày càng gay gắt và quyết liệt hơn. Đặc biệt là sự cạnh tranh với các công ty du lịch nước ngoài. Điều này đòi hỏi Công ty phải hoàn thiện hơn và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, gia tăng năng lực cạnh tranh, tìm kiếm và mở rộng thị trường khách hàng để giữ vững và nâng cao vị thế Công ty trong ngành và hoàn thành mục tiêu kinh doanh.

Rủi ro về biến động của giá hàng hóa

Biến động giá hàng hóa cũng là một trong các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Để quản lý rủi ro về giá hàng hóa Công ty theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro đặc thù ngành

Với đặc thù của ngành liên quan đến chính sách xã hội, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương, việc suy thoái văn hoá... Ngoài ra yếu tố an ninh, ổn định về chính trị của quốc gia đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến lượng khách du lịch và sự phát triển của ngành.

Rủi ro tỷ giá

Biến động ngoại cũng là một trong rủi ro ảnh hưởng đến Công ty. Tuy nhiên, Công ty không hạch toán sổ sách kế toán bằng ngoại tệ, Công ty tiến hành thu và quy đổi theo tỷ giá hạch toán USD/VND ngay tại thời điểm thanh toán, cuối ngày kế toán thanh toán kết sổ và nộp toàn bộ số ngoại tệ vào ngân hàng theo tỷ giá thực tế cuối ngày. Vì vậy lãi/lỗ do chênh lệch tỷ giá được theo dõi và điều chỉnh theo từng ngày phát sinh. Bằng cách này, Công ty đã hạn chế được rủi ro chênh lệch tỷ giá.



PHẦN 2



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Bài phỏng vấn Tổng Giám đốc

Giám đốc Chi Nhánh nói gì về tình hình hoạt động trong năm 2012

Tổng quan Tình hình hoạt động kinh doanh 10

Tình hình hoạt động kinh doanh 13

Chính sách đối với người lao động 15

Tình hình đầu tư 16

Tình hình tài chính 17

Cơ cấu cổ đông 18

Báo cáo của Ban Giám đốc 19

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 19

Tình hình tài chính 21

Kế hoạch phát triển 22

Báo cáo của Hội đồng Quản trị 24

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty 24

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc 26

Kế hoạch định hướng của HĐQT 26



BÀI PHÒNG VẤN TỔNG GIÁM ĐỐC

PV: Một năm nhiều khó khăn cho hầu hết doanh nghiệp trên lĩnh vực du lịch, dịch vụ, Công ty đã thực hiện những chính sách gì để “vượt cạn” và hiệu quả từ những chính sách đó ra sao thưa ông?

Khi nguồn khách từ thị trường châu Âu giảm, Công ty đã chuyển hướng sang thị trường châu Úc, Nga, đặc biệt chú trọng thị trường khách bán hàng qua mạng toàn cầu và nội địa. Hơn nữa, việc thực hành tiết kiệm trong quản lý, điều hành, trong tiêu hao chi phí,... cũng đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo được đời sống và việc làm cho người lao động.

Với chính sách và giải pháp phù hợp, kết quả kinh doanh của CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An vẫn đạt mức tăng trưởng khả quan. Hơn 500 nhân viên hiện có thu nhập bình quân xấp xỉ 5 triệu đồng/người/tháng, tăng gần 17% so với năm trước. Doanh thu toàn Công ty năm 2012 đạt gần 161 tỷ đồng, tăng hơn 18% so với năm trước, lợi nhuận trước thuế cũng tăng 25% so với cùng kỳ năm 2011.

PV: Nói thêm về những thành quả trong năm qua của Công ty thì điều gì nổi bật và đáng tự hào nhất thưa ông?

Chưa năm nào tỷ trọng bán hàng qua mạng tại Khách sạn Hội An tăng gần 22% như năm 2012. Chính vì thế, Công ty đặt phòng trực tuyến hàng đầu và tăng trưởng nhanh nhất ở châu Á - Agoda đã trao tặng Khách sạn giải thưởng danh giá: “Agoda Gold Circle Awards 2012 - Giải thưởng vàng thường niên năm 2012”. Ngay trong tháng cuối năm 2012, Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển Hội An cũng đã được Tổng Cục Du lịch công nhận đạt 3 và 4 bông sen theo tiêu chí nhãn du lịch bền vững “Bông Sen Xanh” cho những nỗ lực bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, góp phần bảo vệ các di sản, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và phát triển bền vững. Đặc biệt, đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp, Khu du lịch Biển Hội An được Bộ VH-TT&DL, Tổng Cục Du Lịch và Hiệp



Hội Du lịch Việt Nam trao giải thưởng “Top 10 khách sạn hàng đầu Việt Nam”.

PV: Dự báo của ông về ngành du lịch trong năm 2013 và phương hướng hoạt động của Công ty trong năm mới như thế nào?

Theo dự báo, năm 2013, thị trường khách du lịch vẫn còn rất nhiều khó khăn, do đó, ngay trong Quý I năm 2013, Công ty CP DL-DV Hội An tập trung kiện toàn, củng cố bộ máy, đẩy mạnh khai thác thị trường truyền thống, thị trường qua mạng toàn cầu, thị trường hội nghị, hội thảo và nội địa, đặc biệt chú trọng khai thác thị trường khách Châu Úc, Nga và Nhật Bản. Các chương trình thu hút khách nhân Festival Di sản Quảng Nam 2013 cũng đang được xây dựng. Để tạo những bước đi vững chắc, Công ty hiện đang tập trung nâng cao chất lượng các dịch vụ đã có đồng thời đầu tư mở rộng, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tại làng rau Trà Quế, nâng cao tỷ trọng các dịch vụ so với tỷ trọng lưu trú, nhất là dịch vụ ăn uống và lữ hành. Tổ chức Hội nghị người lao động để cùng tham gia bàn bạc biện pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh, đồng thời bổ sung thỏa ước lao động tập thể và các chế độ, chính sách. Chúng tôi đang xúc tiến xây dựng Trung tâm Đào tạo Nghề Du lịch, tiếp tục đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân viên theo hướng chuẩn hoá chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng các dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh một cách bền vững.

Xin cảm ơn Ông!

Giám đốc Chi nhánh nói gì về tình hình hoạt động năm 2012



"Một năm thực sự khó khăn về nguồn khách do tác động của suy thoái kinh tế, thế nhưng, doanh thu của Trung Tâm đạt đến gần 27 tỷ đồng, tăng 20,1% so với năm 2011. Việc điều chỉnh theo hướng phát triển dịch vụ chất lượng đã mang lại kết quả đáng mong đợi này."

Giám đốc điều hành Trung tâm Lễ hành Hội An
Ông Nguyễn Trọng Tuấn



"Dù đang trong quá trình nâng cấp, cải tạo nhưng doanh thu của Khu du lịch Biển Hội An cũng đạt gần 63 tỷ đồng, tăng 8,3%, riêng Khách sạn Hội An doanh thu trên 67 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng gần 27% so với năm 2011."



Giám đốc điều hành Khu Du lịch Biển năm 2012
Hiện nay là Giám đốc điều hành Khách sạn Hội An
Bà Lê Thị Thu Thủy



"Chúng tôi tập trung khai thác dịch vụ bên ngoài và nhờ sự thay đổi này đã tăng được lợi nhuận."

Giám đốc điều hành Xí Nghiệp Giặt Hội An
Ông Trần Hàn

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN BAN

Ông VÕ XUÂN CA

Ông VŨ HIỀN

Ông NGUYỄN LƯU THỤY

Ông LÊ TIẾN DŨNG

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 2005-2009: Công tác tại Công ty CP May Trường Giang.
- 2009 – 2011: Công tác tại Sở Công thương tỉnh Quảng Nam
- 15/02/2011 – đến nay: Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

Số cổ phần nắm giữ:

4.520.238 cổ phần
(56,5%)
(Đại diện phần vốn Nhà nước).

Ủy viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Kinh tế - Chính trị

Quá trình công tác

- 1985 – 1997: Công tác tại Quảng Nam
- 1997 – 1999: Học cử nhân chính trị tại Hà Nội
- 1999 – nay: Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam, với chức vụ hiện nay Chánh văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam.

Số cổ phần nắm giữ:

Không có.

Ủy viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư hàng hải

Quá trình công tác

- 1998 – 2006: Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và tài chính IPA
- 2006 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An.

Số cổ phần nắm giữ

1.359.475 cổ phần (17%)
(CTCP Tập đoàn đầu tư IPA).

Ủy viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

Tiến sĩ ngành Hóa kỹ thuật

Quá trình công tác

- 2006 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA
 - 2008- nay: Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Công Nghệ Vạn Xuân
- Số cổ phần nắm giữ**
964.481 cổ phần
(12,06%)

Ủy viên HĐQT

(Kiêm Tổng Giám đốc, Giám đốc khu du lịch biển Hội An)

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài Chính - Kế toán

Quá trình công tác

- 2005- 01/03/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- 01/03/2009 – 11/4/2009: Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- 11/4/2009 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch – Dịch vụ Hội An

Số cổ phần nắm giữ

171.070 cổ phần (2,14%)

Hội đồng quản trị có 05 thành viên nhiệm kỳ từ 2012 – 2017

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông HỒ THÁI BA

Trưởng Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

- 1966 – 1982: Đi học và tham gia kháng chiến chống Mỹ
- 1982 – 1996: Công tác tại Tỉnh ủy Quảng Nam – Đà Nẵng
- 1997 – nay: Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam.

Số cổ phần nắm giữ: không có.



Ông TRẦN ĐÌNH PHONG

Thành viên Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn

Đại học Tài Chính - Kế toán

Quá trình công tác

- 1982 – 1996: Công tác tại ban Tài chính – Quản trị Tỉnh ủy QNĐN.
- 1997 – nay: Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam.

Số cổ phần nắm giữ:

1.120 cổ phần (0,014%).



Ông NGUYỄN TỔNG SƠN

Thành viên Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn

Đại học Tài Chính - Kế toán

Quá trình công tác

- 2007 – 2008: Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA.
- 2008 – nay: Giám đốc tài chính Công ty CP năng lượng Bắc Hà.
- 2011 – nay: Giám đốc tài chính Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA

Số cổ phần nắm giữ: không có.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ TIẾN DŨNG

Tổng Giám đốc

(*Kiểm Ủy viên HĐQT, Giám đốc khu du lịch biển Hội An*)

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài Chính - Kế toán

Quá trình công tác

- 2005 - 01/03/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch - Dịch vụ Hội An.
- 01/03/2009 - 11/4/2009: Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch - Dịch vụ Hội An.
- 11/4/2009 - Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Số cổ phần nắm giữ

171.070 cổ phần (2,14%)



Bà NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Phó Tổng Giám đốc

(*Kiểm Kế toán Trưởng*)

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính - Chuyên ngành Tài chính - Tín dụng

Quá trình công tác

- 2004-2005: Phó phòng kế toán Công ty CP Du lịch - Dịch vụ Hội An.
- 2005- Nay: Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch - Dịch vụ Hội An, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán công ty

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: Không có
- Chồng: 3.822 cổ phần (0,048%)



Ông NGUYỄN VĂN CƯ

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế - Chứng chỉ sau đại học do chương trình giảng dạy kinh tế FULBRIGHT.

Quá trình công tác

- 1993 - Nay: Công tác tại CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An.

Số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân: 4.841 cổ phần (0,06%)
- Vợ: 3.385 cổ phần (0,042%)

☆ **Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2012**

| STT | Thành viên BĐH | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|---------------------|---|---------------|-----------------|
| 1 | Huỳnh Văn Ty | Phó Tổng Giám đốc | 01/12/2006 | 01/01/2012 |
| 2 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | Phó Tổng Giám đốc (Kiểm kế toán trưởng) | 01/01/2013 | |
| 3 | Nguyễn Văn Cư | Phó Tổng Giám đốc, phụ trách công tác đầu tư. | 01/01/2013 | |

Tình hình hoạt động kinh doanh



Trong một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, tình hình thị trường khách đến không tăng, nhất là thị trường khách châu Âu giảm đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, song với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể lãnh đạo và công nhân lao động đã thực hiện đạt được một số kết quả nhất định.

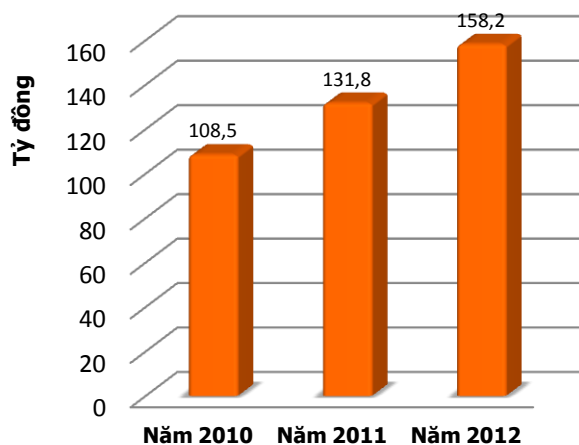
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012, doanh thu toàn Công ty năm 2012 đạt 160.986 triệu đồng, đạt 98,52% kế hoạch năm, tăng 18,18% so với năm 2011. So với mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm, tuy doanh thu chưa đạt nhưng các chỉ tiêu khác và lợi nhuận trước thuế đạt 100,95% kế hoạch, tăng 25,75% so với năm ngoái và thu nhập người lao động tăng 16,3% so với

năm 2011. Việc doanh thu không đạt như kế hoạch kỳ vọng là do tác động từ nhiều yếu tố, chủ yếu là ảnh hưởng từ bối cảnh kinh tế ảm đạm, việc chi tiêu cho nhu cầu du lịch, đi lại của người dân giảm mạnh. Đặc biệt doanh thu khách quốc tế đến từ khu vực Châu Âu giảm rõ rệt trong 3 tháng cuối năm đã ảnh hưởng đến doanh thu của toàn Công ty. Trong khi đó Khu Du lịch Biển Hội An công bố giá phòng khá cao so với các dự án ven biển Cửa Đại của những công ty khác. Ngoài ra, việc Đà Nẵng đầu tư nhiều cho các sản phẩm du lịch cộng với giá bán phòng tương đối thấp hơn nên là cơ hội cho du khách chọn lựa Đà Nẵng làm nơi lưu trú và chỉ đến Hội An tham quan.

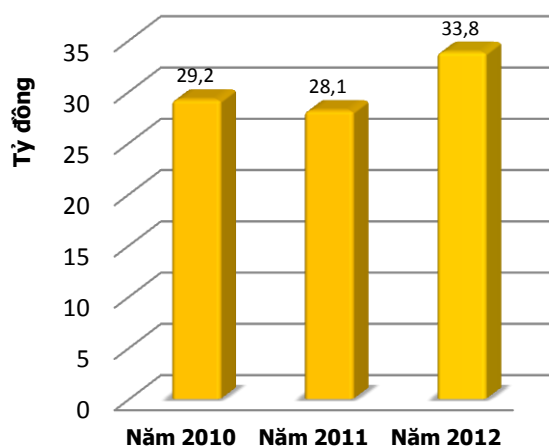
| STT | Chỉ tiêu | 2011 | 2012 | Tăng giảm so với 2011 (%) | Kế hoạch 2012 | So kế hoạch (%) |
|-----|---|---------|---------|---------------------------|---------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu (triệu đồng) | 136.224 | 160.986 | 18,18% | 163.405 | 98,52% |
| 2 | Tổng chi phí (triệu đồng) | 100.091 | 115.549 | 15,44% | 118.396 | 97,60% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 36.133 | 45.436 | 25,75% | 45.009 | 100,95% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | 28.118 | 33.824 | 20,29% | 33.756 | 100,20% |
| 5 | Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (đồng/cổ phần) | 3.515 | 4.228 | 20,28% | 3.591 | 117,74% |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 2011 | 2012 | So với năm 2011 |
|------------|--------------------------------|-------------|----------------|----------------|-----------------|
| I | Lượt khách | Lượt | 53.974 | 54.019 | 100,08% |
| | Lượt khách quốc tế | Lượt | 44.380 | 45.320 | 102,12% |
| | Lượt khách trong nước | Lượt | 9.594 | 8.699 | 90,67% |
| II | Ngày khách | Ngày | 114.400 | 120.390 | 105,24% |
| | Ngày khách quốc tế | Ngày | 100.418 | 107.652 | 107,20% |
| | Ngày khách trong nước | Ngày | 13.982 | 12.738 | 91,10% |
| III | Công suất sử dụng buồng | % | 63,4 | 65,1 | 102,68% |

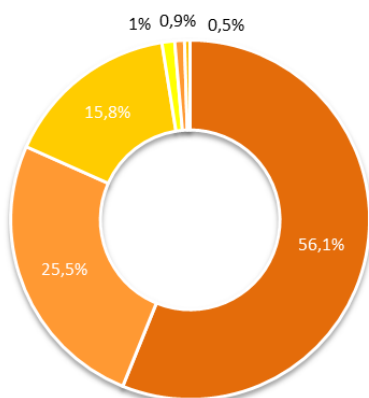
Doanh thu thuần



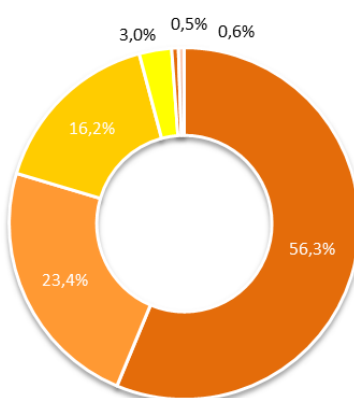
Lợi nhuận sau thuế



Năm 2011



Năm 2012



Cơ cấu Doanh thu thuần

- Dịch vụ lưu trú
- Dịch vụ nhà hàng
- Dịch vụ lễ hành
- Dịch vụ giặt là
- Dịch vụ Spa
- Dịch vụ du lịch khác

Chính sách đối với người lao động



Về đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức cho cán bộ, nhân viên của các bộ phận kế toán, sales và nhân viên các khách sạn tham gia các lớp tập huấn kỹ năng mềm, tổ chức đào tạo các lớp ngoại ngữ giao tiếp chuyên ngành tiếng Nga, tiếng Anh,...

Từ năm 2013, Công ty thực hiện chế độ làm việc 44giờ/ tuần nhằm đáp ứng nguyện vọng của người lao động. Ngoài ra, Công ty còn đang xúc tiến xây dựng Trung tâm Đào tạo Nghề Du lịch, tiếp tục đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân viên theo hướng chuẩn hoá chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng các dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh một cách bền vững.

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|------------|------------------------------------|------------------|--------------|
| I | Theo trình độ lao động | 504 | |
| 1 | Trình độ trên đại học | 1 | 0,20% |
| 2 | Trình độ đại học, cao đẳng | 106 | 21,03% |
| 3 | Trình độ trung cấp | 65 | 12,90% |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 230 | 45,63% |
| 5 | Lao động phổ thông | 102 | 20,24% |
| II | Theo loại hợp đồng lao động | 504 | |
| 1 | Hợp đồng không thời hạn | 259 | 51,39% |
| 2 | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) | 99 | 19,64% |
| 3 | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm | 146 | 28,97% |
| III | Theo giới tính | 504 | |
| 1 | Nam | 248 | 49,21% |
| 2 | Nữ | 256 | 50,79% |

(Đến ngày 31/12/2012)

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---------------------------------|-------------------|-----------|-----------|
| Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên | người | 474 | 504 |
| Thu nhập bình quân | đồng/người /tháng | 4.300.000 | 5.000.000 |

Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương, thưởng rõ ràng và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực đang phụ trách. Mặt khác tạo nên sự gắn kết lâu dài đối với nhân viên, tạo được sức hút nguồn nhân lực giỏi từ mọi nơi về làm việc tại công ty.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty áp dụng cơ chế trả lương tương xứng với mức độ cống hiến và năng lực cạnh tranh của cá nhân. Bên cạnh đó, chúng tôi còn chú trọng xây dựng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi, linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo sự công bằng và hài lòng cho nhân viên.

Môi trường công việc

Các nhân viên được tiếp cận với môi trường làm việc hiện đại, công bằng, năng động và lành mạnh. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty CP Du Lịch – Dịch Vụ Hội An đều có cơ hội được phát huy tối đa khả năng sáng tạo và vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ của bạn luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.



Tình hình đầu tư



Các khoản đầu tư lớn

Đầu tư tài chính

Công ty tăng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 01 năm từ 4 tỷ năm 2011 lên 15,5 tỷ trong năm 2012. Ngoài ra, Công ty không có khoản đầu tư tài chính dài hạn nào.

Đầu tư dự án

Trong năm 2012, tập trung chủ yếu cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất ở hai khách sạn và Trung tâm Lễ hành, với tổng trị giá đầu tư 5.096.103.483 đồng; mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh với tổng giá trị: 4.936.315.745 đồng. Việc thực hiện công tác đầu tư được thực hiện quy trình, thủ tục đấu thầu, chào giá cạnh tranh, chất lượng các hạng mục công trình đưa vào sử dụng đảm bảo được tính mỹ thuật và kỹ thuật. Tuy nhiên, tình hình đầu tư chưa đạt được như kế hoạch đề ra, do một số thủ tục nhằm hoàn thiện hồ sơ cấp phép chưa đảm bảo nên việc cải tạo Khu Du lịch Biển Hội An phải chuyển sang năm 2013.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

☆ **Tình hình tài chính**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 2011 | 2012 | % tăng giảm so với 2011 |
|-----|---|--------|-----------------|-----------------|-------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 148.278.382.121 | 145.495.972.118 | -2% |
| 2 | Doanh thu thuần | Đồng | 131.756.297.580 | 158.188.776.065 | 20% |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | Đồng | 35.903.012.680 | 45.262.499.065 | 26% |
| 4 | Lợi nhuận khác | Đồng | 230.186.469 | 173.764.112 | -25% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 36.133.199.149 | 45.436.263.177 | 26% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 28.118.591.440 | 33.824.875.324 | 20% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | 77% | 75% | -2% |

☆ **Các chỉ tiêu tài chính**

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 2011 | 2012 | % tăng giảm so 2011 |
|----------|---|--------|-------|-------|---------------------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,59 | 1,81 | 13,67% |
| | Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – HTK)/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,55 | 1,75 | 12,97% |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 20,16 | 18,23 | -9,59% |
| | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 25,26 | 22,3 | -11,73% |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân) | Vòng | 75,27 | 68,42 | -9,10% |
| | Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng TS bình quân) | Vòng | 0,96 | 1,08 | 12,19% |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 21,34 | 21,38 | 0,19% |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 24,27 | 28,5 | 17,44% |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 20,49 | 23,03 | 12,41% |
| | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 27,25 | 28,61 | 5,00% |

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu



☆ **Cổ phần**

Tổng số cổ phần phát hành: 8.000.000 cổ phần

- ✓ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 7.999.937 cổ phần
- ✓ Cổ phiếu quỹ: 63 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

☆ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Không có.

☆ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

☆ **Các chứng khoán khác:** Không có.

☆ **Cơ cấu cổ đông**

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|------------------|--------------------|---------------------|------------------|-----------------------|---------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 190 | 7.998.937 | 79.989.370.000 | 99,987 |
| 1 | Cổ đông nhà nước | 1 | 4.520.238 | 45.202.380.000 | 56,50 |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 1 | 1.359.475 | 13.594.750.000 | 16,99 |
| 3 | Cổ đông cá nhân | 188 | 2.119.224 | 21.192.240.000 | 26,49 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 1 | 1000 | 10.000.000 | 0,013 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | | | | |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 1 | 1000 | 10.000.000 | 0,01 |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 63 | 630.000 | 0,001 |
| Tổng cộng | | 191 | 8.000.000 | 80.000.000.000 | 100 |

(Tính đến ngày 31/12/2012)

☆ **Danh sách cổ đông lớn (cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ)**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số lượng (CP) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|------------------|---|---|------------------|-----------------------|--------------|
| 1 | VP Tỉnh ủy Quảng Nam Do Ông Nguyễn Văn Ban là người đại diện phần vốn | 24 Nguyễn Chí Thanh - TP Tam Kỳ - Quảng Nam | 4.520.238 | 45.202.380.000 | 56,5 |
| 2 | CT CP Tập đoàn đầu tư tài chính IPA Do Ông Vũ Hiền - Đại diện phần vốn | 59 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội | 1.359.475 | 13.594.750.000 | 16,99 |
| 3 | Nguyễn Lưu Thụy | Phòng 303-Nhà 17T3- Trung Hòa - Nhân Chính- Phố Hoàng Đạo Thúy - Q. Cầu Giấy Hà Nội | 964.481 | 9.644.810.000 | 12,06 |
| Tổng cộng | | | 6.844.194 | 68.441.940.000 | 85,55 |



Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012 gặp nhiều khó khăn nhưng Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, thực hiện tốt các định hướng, các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đề ra và Công ty đã đạt được mức tăng trưởng tương đối khả quan trong năm 2012.

Doanh thu toàn Công ty đạt 160.986 triệu đồng bằng 98,52% kế hoạch năm, tăng 18,18% năm 2011. So với mục tiêu đã đặt ra cho năm 2012, tuy doanh thu chưa đạt nhưng lợi nhuận

trước thuế đạt 45.436 triệu đồng bằng 100,95% kế hoạch, tăng 25,75% năm 2011, lợi nhuận sau thuế đạt 33.824 triệu đồng bằng 100,20% kế hoạch và tăng 20,29% so với năm 2011. Có thể nói năm 2012 vừa qua Công ty đã hoàn thành kế hoạch đặt ra.

Kết quả này là nỗ lực của toàn thể Công ty trong bối cảnh hoạt động kinh doanh bị tác động mạnh mẽ bởi những thuận lợi và khó khăn đến từ bên ngoài và chính từ nội bộ doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 |
|--|-----------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 132.359.663.563 | 158.624.237.465 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 603.365.983 | 435.461.400 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 131.756.297.580 | 158.188.776.065 |
| Giá vốn hàng bán | 88.864.304.886 | 102.564.341.495 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 42.891.992.694 | 55.624.434.570 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 3.289.997.431 | 2.084.542.780 |
| Chi phí tài chính | 82.534.595 | 24.174.952 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | - | - |
| Chi phí bán hàng | 4.431.015.291 | 4.925.745.321 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5.765.427.559 | 7.496.558.012 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 35.903.012.680 | 45.262.499.065 |
| Thu nhập khác | 574.463.484 | 276.863.759 |
| Chi phí khác | 344.277.015 | 103.099.647 |
| Lợi nhuận khác | 230.186.469 | 173.764.112 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | - | - |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 36.133.199.149 | 45.436.263.177 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 8.014.607.709 | 11.611.387.853 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 28.118.591.440 | 33.824.875.324 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 28.118.591.440 | 33.824.875.324 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần) | 3.515 | 4.228 |

ĐVT: đồng

ĐIỂM MẠNH

- Khách sạn Hội An sau khi cải tạo, chất lượng cơ sở vật chất được nâng lên, tạo hình ảnh mới đối với khách hàng và nâng cao được năng lực kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- Sự đoàn kết, đồng thuận và quyết tâm cao của tập thể cán bộ, công nhân lao động toàn Công ty đã tạo nên sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện tốt các định hướng, các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đề ra.

ĐIỂM YẾU

- Việc cải tạo khách sạn Hội An tuy đã hoàn thành (chỉ mới khu 32 phòng), các khu còn lại đã xuống cấp, không đồng bộ về chất lượng phòng.
- Việc đầu tư cho đội ngũ nhân viên nhằm nâng cao chất lượng phục vụ được Công ty quan tâm đúng mức, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của khách du lịch. Một bộ phận nhỏ chưa quan tâm đến phong cách giao tiếp, ứng xử, chưa tạo sự hài lòng trong phục vụ. Bộ phận chăm sóc khách hàng tại 2 khách sạn đã có định hướng của Ban Điều hành nhưng cho đến nay vẫn chưa tuyển dụng được do một số nguyên nhân về hồ sơ pháp lý.
- Việc Giám đốc thị trường nghi việc, nhân viên thị trường MICE ở văn phòng đại diện TPHCM chấm dứt hợp đồng, Ban Điều hành chưa kịp tuyển dụng hay đề bạt người mới để đảm nhận công việc, nên gây không ít khó khăn trong việc quan hệ khách hàng, khai thác thị trường và nhất là giai đoạn khó khăn của thị trường khách nước ngoài.
- Việc chậm tiến độ triển khai kế hoạch cải tạo Khu Du lịch Biển Hội An cũng là nguyên nhân làm giảm sút khả năng cạnh tranh của Khu Du lịch Biển.

Phân tích SWOT ☆

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, Công ty luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng của tỉnh và địa phương.
- Hệ thống quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ chuyên môn ngày được hoàn thiện và ban hành tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý thông thoáng và thuận lợi trong công tác quản lý, điều hành từ Công ty đến cơ sở.

Thị trường khách hàng trong 6 tháng đầu năm nhìn chung rất tốt, thời tiết cũng không có biến đổi lớn là điều kiện thuận lợi để các đơn vị triển khai hoạt động kinh doanh dịch vụ.

CƠ HỘI

- Các dự án ven biển Cửa Đại đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, áp dụng nhiều chính sách khuyến mãi lớn, trong khi giá công bố giá phòng khá cao nên tạo áp lực rất lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Khu Du lịch Biển Hội An. Mặt khác, Các dự án này ra đời đã thu hút nhiều lao động có tay nghề cao, cán bộ quản lý cấp trung ở hầu hết các khách sạn, các resort trên địa bàn, tạo áp lực không nhỏ cho công tác quản lý điều hành nhân sự, trong đó có Công ty không nằm ngoại lệ.
- Đà Nẵng đầu tư nhiều cho các sản phẩm du lịch, đồng thời với giá bán phòng tương đối thấp nên là cơ hội cho du khách chọn lựa Đà Nẵng làm nơi lưu trú và chi đến tham quan ở Hội An.

THÁCH THỨC

☆ Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Hội An Travel đã khai thác tốt thị trường MICE, xây dựng hàng loạt sản phẩm mới như tiệc đường phố - dinner street, Fish&Chip và mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác để khai thác dịch vụ. Đặc biệt, chương trình tour "Một ngày làm cư dân làng rau Trà Quế" đã đem lại hiệu quả cao nhất với doanh thu tăng đến 59% so với năm trước.

Xí Nghiệp Giặt Hội An nhờ tập trung khai thác dịch vụ bên ngoài đã tăng được doanh thu đến 62%.

Trong năm 2012, nhờ coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng của các nhân viên bán hàng và đầu tư phát triển kênh bán hàng trực tuyến mà doanh thu từ khách mua hàng qua mạng tăng vượt bậc (231,11% so với năm 2011). Chính vì thế, Công ty đặt phòng trực tuyến hàng đầu và tăng trưởng nhanh nhất ở châu Á - Agoda đã trao tặng Khách sạn giải thưởng danh giá: "Agoda Gold Circle Awards 2012 - Giải thưởng vàng thường niên năm 2012.



Tình hình tài chính

Ban điều hành Công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, tổ chức hạch toán kế toán phù hợp các Chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Công tác quyết toán tài chính được quan tâm, đảm bảo chính xác, kịp tiến độ, đúng thời gian. Thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính vào 06 tháng và kiểm toán cuối năm đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ tại các đơn vị cơ sở. Thực hiện tốt nghĩa vụ công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty niêm yết.

Tình hình Tài sản

| Chỉ tiêu | 2011 | 2012 | % tăng giảm | Tỷ trọng 2011 | Tỷ trọng 2012 |
|---------------------|------------------------|------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | 47.223.951.971 | 47.840.836.538 | 1,31% | 31,85% | 32,88% |
| Tài sản dài hạn | 101.054.430.150 | 97.655.135.580 | -3,36% | 68,15% | 67,12% |
| TỔNG TÀI SẢN | 148.278.382.121 | 145.495.972.118 | -1,88% | 100% | 100% |

ĐVT: đồng

Tình hình Nợ phải trả

| Chỉ tiêu | 2011 | 2012 | % tăng giảm | Cơ cấu Nợ phải trả 2011 | Cơ cấu Nợ phải trả 2012 |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 29.685.989.061 | 26.458.057.271 | -10,87% | 99,29% | 99,75% |
| Nợ dài hạn | 213.283.819 | 67.000.000 | -68,59% | 0,71% | 0,25% |
| NỢ PHẢI TRẢ | 29.899.272.880 | 26.525.057.271 | -11,29% | 100% | 100% |

ĐVT: đồng

Những cải tiến về công tác bộ máy tổ chức, chính sách, quản lý


➢ Trong năm, Ban điều hành đã tham mưu cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức quản lý hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh của Công ty, quy chế làm việc của Tổng Giám đốc, quy định việc chi tiêu nội bộ.

➢ Công tác đào tạo được quan tâm, trong năm Công ty đã tổ chức cho cán bộ, nhân viên của các bộ phận kế toán, sales và nhân viên các khách sạn tham gia các lớp tập huấn kỹ năng mềm, tổ chức đào tạo các lớp ngoại ngữ giao tiếp chuyên ngành tiếng Nga, tiếng Anh,... Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống

SOP, tiến hành soạn thảo ban hành và triển khai đào tạo hệ thống quy trình làm việc của các bộ phận kế toán, dịch vụ giải trí, thể thao,...

➢ Đối với các đơn vị cơ sở, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện việc giao quyền tự chủ, phân cấp toàn diện hơn cho các cơ sở. Việc phân cấp quản lý ở các đơn vị cơ sở đã tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành, trong công tác tài chính, công tác lao động tiền lương, đào tạo và tổ chức hoạt động kinh doanh ở mỗi đơn vị, nhằm tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh, tăng hiệu quả kinh doanh, góp phần sự tăng trưởng của toàn Công ty.

Kế hoạch phát triển trong tương lai



Năm 2013, dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành du lịch nói chung và của doanh nghiệp nói riêng. Khách sạn Hội An tiếp tục gặp không ít khó khăn về tình hình do thị phần bị chia sẻ do hàng loạt khách sạn vừa mới đưa vào khai thác từ tháng 12/2012 như: Vinh Hưng 5, Marina Hotel, Hoian Chic,... Khu Du lịch Biển Hội An vừa tổ chức hoạt động kinh doanh, vừa tiến hành cải tạo nâng cấp, dự kiến bắt đầu từ tháng 4/2013 đến hết năm 2013. Bên cạnh đó, các yếu tố đầu vào đều dự báo sẽ tăng hơn so năm 2012, như: giá điện (đã được điều chỉnh tăng từ cuối năm 2012), tiền thuê đất của khu Du lịch Biển đã hết thời gian ổn định đơn giá, dự kiến sẽ tăng, mức tiền lương cơ bản tăng nên các khoản trích theo lương cũng tăng tương ứng. Với những khó khăn, thách thức, toàn Công ty cần quyết tâm, phát huy nội lực, khắc phục tồn tại, hạn chế, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính được chi tiết tại kế hoạch năm 2013.

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh doanh đề ra năm 2013, toàn Công ty cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp:

Công tác định hướng kinh doanh

Qua khảo sát và tiếp cận thị trường cuối năm 2012, tình hình khách châu Âu có dấu hiệu tiếp tục giảm; do vậy, năm 2013 cần có những chính sách giá hợp lý để giữ vững thị trường khách truyền thống, tập trung đẩy mạnh khai thác thị trường khách Châu Úc, New Dilan, châu Á. Tiếp tục điều chỉnh phân khúc thị trường theo định hướng tăng dần thị trường khách qua mạng, khai thác tốt các dịch vụ phụ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách. Có kế hoạch cụ thể về quảng bá, tiếp thị khi mua được dự án mới như dự kiến

Nhanh chóng tuyển dụng Giám đốc thị trường, kiện toàn hệ thống S&M toàn Công ty đảm bảo tính chủ động trong việc tìm kiếm nguồn khách cho hai khách

sạn trong điều kiện khó khăn về nguồn khách như hiện nay, đồng thời, hoàn thiện chiến lược thị trường ổn định trong tương lai.

Khách sạn Hội an và Khu Du lịch Biển cần có chính sách giá linh hoạt, tập trung nghiên cứu sản phẩm mới, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ phụ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách; đồng thời, tăng cường giám sát chất lượng dịch vụ, chú trọng yếu tố con người. Tiếp tục hoàn thiện chất lượng dịch vụ theo tiêu chí Bông sen Xanh đã được Tổng cục Du lịch thẩm định.

Trung tâm lữ hành cần phối hợp đồng bộ với các đơn vị cơ sở xây dựng các chương trình tour trọn gói theo từng mùa vụ; đẩy mạnh các tour đường bộ qua Lào, Thái Lan; tổ chức có hiệu quả các dịch vụ inbound, outbound, dịch vụ bán vé máy bay, dịch vụ Trà Quế, dịch vụ Cù Lao Chàm... nhằm tăng doanh thu. Tập trung nghiên cứu và đầu tư phát triển dịch vụ ăn uống, các dịch vụ khác; các đơn vị cần đề ra nhiều biện pháp thiết thực để nâng cao dần tỷ trọng dịch vụ ăn uống và dịch khác trong cơ cấu tổng doanh thu. Đặc biệt là lập phương án kinh doanh cụ thể khi liên kết Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh khai thác dịch tại Bãi Bắc, Cù Lao Chàm; liên doanh với các đơn vị có năng lực để đầu tư dịch vụ tàu du lịch bằng tàu du lịch trên biển, trên sông Thu Bồn.

KẾ HOẠCH NĂM 2013

Tổng doanh thu: 163.003 triệu đồng

Cụ thể:

Khách sạn Hội an tăng 16% so năm 2012

Khu DLB bằng 75% so năm 2012

TT Lữ Hành tăng 11% so năm 2012

XN Giặt tăng 11% so năm 2012

Lợi nhuận trước thuế: 29.760 triệu đồng

Tổng quỹ lương: 37.736 triệu đồng

Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.762 đồng

Cổ tức: 2.072 đồng/01 cổ phiếu

Xí nghiệp Giặt Hội An cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ, chú trọng chất lượng phục vụ nội bộ hai khách sạn (chất lượng giặt, thời gian và số lượng hàng giao trả), đáp ứng yêu cầu kinh doanh của toàn Công ty

Về công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ

Cần tập trung chủ yếu là vào các hạng mục:

- Nâng cấp, cải tạo toàn diện Khu Du lịch Biển Hội An.
- Đầu tư các dịch vụ mới cho làng rau Trà Quế, triển khai liên doanh với các Công ty có năng lực để phát triển loại hình du lịch trên biển tại Cù Lao Chàm, cũng như đầu tư, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất thuê của Tỉnh đội Quảng Nam tại Bãi Bắc, Cù Lao Chàm. Tiếp cận đề án phục dựng và mở tuyến tham quan đường mòn Hồ Chí Minh tại Kàdy, Nam Giang.
- Hoàn thành thủ tục mua tài sản trên đất và thủ tục thuê đất, lập đề án khai thác trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án đầu tư tại Khu Thanh Hà .
- Khảo sát, tiếp cận và đàm phán mua lại các dự án (nếu được) nhằm mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

Về công tác lao động, tiền lương

Từng đơn vị cơ sở, các phòng ban công ty có biện pháp cụ thể trong việc khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý điều hành để từng bước nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức, lao động trong toàn Công ty, với mục tiêu vì sự phát triển doanh nghiệp bền vững.

Sớm tuyển dụng các chức danh: Giám đốc thị trường Công ty, Giám đốc điều hành Khu Du lịch Biển Hội An, Trợ lý Giám đốc Khách sạn Hội An.

Tổ chức nghiên cứu, xây dựng hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; đồng thời vừa đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp, vừa đảm bảo thu nhập của công nhân lao động khi Bộ Luật lao động sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ ngày 01/7/2013. Có chính sách đãi ngộ cán bộ, nhân viên để động viên, khuyến khích người lao động tận tâm, tận lực và ra sức phấn đấu tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần tăng doanh thu và hiệu quả kinh doanh.

Tập trung cho công tác đào tạo cán bộ quản lý nhà hàng, khách sạn và lễ hành; triển khai kế hoạch đào tạo tại chỗ tiếng Anh giao tiếp hằng ngày trong đội ngũ cán bộ, nhân viên. Tiếp tục biên soạn, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của các bộ phận còn lại và tổ chức đào tạo cho nhân viên làm chuyển biến thật sự về chất lượng phục vụ; đào tạo các kỹ năng mềm từ ca trưởng đến Trưởng bộ phận về kỹ năng quản lý, điều hành, tâm lý lãnh đạo, các kỹ năng về chăm sóc khách hàng, tâm lý khách hàng cho đội ngũ nhân viên.

Thực hiện tốt công tác luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ nhằm tạo điều kiện và cơ hội cho cán bộ phát triển.

Thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, nhằm phát huy dân chủ của người lao động trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công. Kien toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của ban Thanh tra nhân dân nhằm tạo ra môi trường làm việc dân chủ, tôn trọng, kỷ luật, kỷ cương, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tuyệt đối không để xảy ra tranh chấp lao động, đình công, lãn công.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty



Năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu sự tác động tiêu cực của hậu khủng hoảng kinh tế thế giới, tình hình nợ công ở các nước phát triển, đã hạn chế tiêu dùng, đi lại của người dân, làm cho lượng khách du lịch từ châu Âu đến Việt Nam nói chung, Công ty nói riêng giảm sút rõ rệt, nhất là trong 3 tháng cuối năm. Tình hình kinh tế trong nước, sự cạnh tranh trong ngành du lịch trên địa bàn Hội An, Đà Nẵng ngày càng diễn ra gay gắt, phức tạp nên ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty và thu nhập của người lao động. Đứng trước những khó khăn, thách thức đó, phát huy những thành tựu của Công ty đã đạt được những năm trước đó, Hội đồng Quản trị đã có nhiều định hướng phát triển sát đúng và đề ra nhiều biện pháp thiết thực về quản trị Công ty phù hợp với điều kiện thực tế và đã đạt được những kết quả nhất định.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012, doanh thu toàn Công ty năm 2012 đạt 160.986 triệu đồng, đạt 98,52% kế hoạch năm, tăng 18,18% so với năm 2011. So với mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm, tuy doanh thu chưa đạt nhưng các chỉ tiêu khác và lợi nhuận trước thuế đạt 100,95% kế hoạch, tăng 25,75% so với năm ngoái, thu nhập tăng 16,3% so với năm trước. Tuy nhiên, cơ cấu chi phí trên doanh thu vẫn còn cao, sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu dịch vụ chưa có sự chuyển biến đáng kể, doanh thu dịch vụ lưu trú vẫn chiếm tỷ trọng cao, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đạt thấp, chất lượng các dịch vụ chưa đáp ứng được như kỳ vọng.

Về quản trị công tác đầu tư

Trong công tác đầu tư, chú trọng đến hiệu quả đầu tư, năm 2012, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TCSĐ với tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng, trong đó đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất ở hai khách sạn và trung tâm lễ hành: 5,1 tỷ đồng, đầu tư mua sắm tài sản 4,9 tỷ đồng.

Việc thực hiện công tác đầu tư đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật xây dựng, chất lượng công trình đưa vào sử dụng đảm bảo được tính mỹ thuật và kỹ thuật. Nhìn chung, trong năm qua, công tác đầu tư của Công ty chỉ tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp các cơ sở hiện có, tuy nhiên, vấn đề đầu tư nâng cấp, cải tạo Khu du lịch Biển Hội An chưa thực hiện được, do một số thủ tục để cấp phép xây dựng chưa đảm bảo nên phải chuyển sang năm 2013. Đầu tư mở rộng quy mô, mua lại hoặc thuê một số khách sạn từ 3-4 sao không thực hiện được.

Về quản trị công tác thị trường

Xác định công tác thị trường là yếu tố quyết định thành công của Công ty, nên Hội đồng Quản trị đã định hướng tập trung điều chỉnh cơ cấu thị trường theo hướng giữ vững thị trường truyền thống, đẩy mạnh khai thác thị trường trọng điểm, thâm nhập vào các thị trường mới, tăng tỷ trọng lượng khách khai thác qua mạng toàn cầu, khai thác thị trường corporate, mice,... để phát triển thị phần nhằm đảm bảo các mục tiêu kinh doanh của Công ty. Thực hiện định hướng đó, nhìn chung năm 2012 đạt được yêu cầu đề ra; đối với khách sạn Hội An sau khi cải tạo, thương hiệu được khẳng định, thị trường truyền thống được giữ vững và giảm nhẹ (0,55% so với năm 2011), tỷ trọng khách bán qua mạng và onlines tăng vượt bậc (231,1% so với 2011), một số thị trường khác: thị trường mice, khách đặt trực tiếp qua trang Web và email cũng có tăng nhưng không đáng kể, nhờ đó mà tổng ngày phòng tăng 18,9% so với cùng kỳ, doanh thu lưu trú tăng 27,1%; đối với khu du lịch Biển Hội An phải đối diện trước sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng đẳng cấp, các chỉ tiêu khác không đạt kỳ vọng, song thị trường onlines tăng 40,14% so với kế hoạch, nguồn khách tăng 2,6% so với cùng kỳ, công suất sử dụng buồng phòng đạt 64,82%. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ nhân viên thường xuyên thay đổi, nhất là cán bộ trung cấp và một số nhân viên thị trường mice, corporate nghỉ việc, nên hoạt động của bộ phận thị trường chưa thật sự mang lại hiệu quả, chưa tạo ra bước đột phá lớn trong chiến lược thị trường của Công ty.

Về quản trị đổi mới, phát triển Công ty

Nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý và hiệu suất hoạt động kinh doanh của từng đơn vị cơ sở và toàn Công ty, HĐQT đã chỉ đạo tiếp tục tổ chức thực hiện chiến lược đổi mới của Công ty. Theo đó, Công ty đã kiện toàn Ban điều hành đủ năng lực chỉ đạo cho cả hệ thống Công ty thực hiện các mục tiêu của Hội đồng Quản trị đề ra. Đối với các đơn vị cơ sở, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện việc giao quyền tự chủ, phân cấp toàn diện hơn cho các cơ sở. Việc phân cấp quản lý ở các đơn vị cơ sở đã tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành, trong công tác tài chính, công tác lao động tiền lương, đào tạo và tổ chức hoạt động kinh doanh ở mỗi đơn vị, nhằm tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh, tăng hiệu quả kinh doanh, góp phần sự tăng trưởng của toàn Công ty.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã tiến hành sắp xếp, bố trí, phân công lại lao động trong toàn Công ty phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của mỗi bộ phận, mỗi lĩnh vực công tác; tổ chức tập huấn kỹ năng đào tạo và quản lý chuyên nghiệp của các trưởng bộ phận ở hai khách sạn nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành, xây dựng hệ thống quy trình chuẩn về các nghiệp vụ trên cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và điều kiện thực tế của từng khách sạn; đào tạo ngoại ngữ cho người lao động. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị Công ty cũng đã chỉ đạo cho Ban Điều hành quan tâm đúng mức đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý từ cơ sở đến công ty; trong năm Công ty đã tiến hành bổ nhiệm lại các Giám đốc Khu Du lịch Biển Hội An, Trung tâm Lễ hành, Xí nghiệp Giặt Hội An, điều chuyển và bổ nhiệm Giám đốc Khách sạn Hội An, đề bạt 01 Trưởng phòng, 01 Giám đốc Nhà hàng Hội An. Đã tổ chức cho đội ngũ chuyên viên ở Công ty tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về công tác nhân sự, tiền lương, kế toán, tài chính, quản trị mạng, kiểm toán nội bộ, công bố thông tin,...

Tuy về công tư đầu tư yếu tố con người, trong năm qua, Công ty có sự quan tâm đúng mức như nêu ở trên, nhưng chưa tập trung và chú trọng đến công tác đào tạo cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý ở cơ sở, cấp Công ty; công tác đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ nhân viên chưa đạt chất lượng và hiệu quả; nên chất lượng phục vụ của nhân viên trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

Công ty cũng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho hệ thống chính trị của Công ty thực hiện và phát huy tốt vai trò của tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể trong việc lãnh đạo, tổ chức tốt phong trào thi đua thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh; đồng thời lãnh đạo và tổ chức cho người lao động giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật và thoả ước lao động tập thể đã được ký kết giữa Công ty với tổ chức Công đoàn.

Về công tác quản trị tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được Hội đồng Quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản được thường xuyên tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy chế, quy định của pháp luật... Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty niêm yết.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc



Trong năm 2012, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp Hội đồng, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Ban điều hành cũng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Dự báo tình hình

Năm 2013, dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, sẽ ảnh hưởng suy giảm đến hoạt động kinh doanh của ngành du lịch nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Khách sạn Hội An sẽ gặp không ít khó khăn do bị chia sẻ thị phần do hàng loạt các khách sạn mới ra đời; Khu Du lịch Biển Hội An vừa tổ chức hoạt động kinh doanh vừa tiến hành cải tạo nâng cấp toàn diện. Bên cạnh đó, các yếu tố đầu vào dự báo sẽ tăng hơn năm 2012 như giá điện, tiền thuê đất của Khu Du lịch Biển đã đến thời điểm điều chỉnh giá.

Về mục tiêu 2013

- Về doanh thu: giữ mức doanh thu thực hiện năm 2012; chuyển biến mạnh mẽ việc tăng doanh thu dịch vụ và cơ cấu dịch vụ theo tỷ trọng: lưu trú/ăn uống/lữ hành/dịch vụ khác 52/28/13/07.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 29.790 triệu đồng; nộp thuế nhà nước : 15.969 triệu đồng. Dự kiến cổ tức: 2.072/01 cổ phiếu.
- Về nguồn khách: Giữ vững nguồn khách truyền thống, nguồn khách khai thác thị trường mới, thị trường khách qua mạng, nguồn khách mice, corporater, khách nội địa,... đạt tỷ lệ công suất buồng phòng bình quân 65%; giá phòng tăng bình quân từ 5-10%.

Về nhiệm vụ và giải pháp

Để đạt được những mục tiêu trên đây; trong năm 2013, Hội đồng Quản trị tập trung quản trị triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

Trước hết, cần phát huy tốt, có hiệu quả các cơ sở vật chất – kỹ thuật, buồng phòng đã đầu tư nâng cấp để tăng doanh thu; đồng thời có những biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ ăn uống, dịch vụ lữ hành, vui chơi, giải trí, hội nghị, hội thảo,... tạo sự liên hoàn trong các khâu tổ chức phục vụ khách đến Công ty. Sử dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin, các trang Web, các phần mềm quản lý của Công ty trong hoạt động kinh doanh.

Chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đạt hiệu quả cao dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, nhất là trong công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ, công khai, minh bạch tài chính theo đúng quy định của pháp luật,... nhằm tăng hiệu quả quản lý tài chính của Công ty.

Về quản trị công tác thị trường

Trong quá trình thực hiện chiến lược thị trường cần có những chính sách giá một cách hợp lý; nhằm giữ vững thị trường khách truyền thống, tập trung đẩy mạnh thị trường khách Nga, khách châu Á, Úc, New Diland. Tiếp tục điều chỉnh phân khúc thị trường theo định hướng tăng dần thị trường khách qua mạng, nguồn khách mice, corporater... Đối với thị trường trong nước, cần hướng đến nguồn khách có tiềm năng, có yêu cầu cao về du lịch dịch vụ. Khai thác tốt các dịch vụ phụ trợ đáp ứng ngày càng cao của du khách. Có kế hoạch cụ thể về công tác quảng bá, tiếp thị khi mua được dự án mới.

Để thực hiện các mục tiêu trên, trước hết Công ty cần tiếp tục kiện toàn bộ phận thị trường Công ty (cơ sở vật chất và nguồn nhân lực) đảm bảo đủ năng lực và chuyên nghiệp thực hiện chiến lược thị trường, phân

công, phân nhiệm rõ ràng giữa việc xây dựng và quảng bá sản phẩm và công tác bán sản phẩm với định hướng chiến lược thị trường, quảng bá thương hiệu Công ty.

Đối với hai khách sạn cần có chính sách giá linh hoạt, tập trung nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, tăng cường giám sát chất lượng dịch vụ, chú trọng công tác đầu tư yếu tố con người. Tiếp tục hoàn thiện chất lượng dịch vụ theo tiêu chí Bông sen xanh đã được Tổng cục Du lịch Việt Nam thẩm định.

Đối với hoạt động lữ hành, cần phải có sự phối hợp đồng bộ với các đơn vị cơ sở xây dựng chương trình du lịch trọn gói theo từng mùa vụ; phát triển và tổ chức có hiệu quả các tour inbound, outbound, dịch vụ bán vé máy bay, làng rau Trà Quế,...;

Các đơn vị cần tập trung nghiên cứu và đề ra nhiều biện pháp thiết thực để phát triển dịch vụ ăn uống và các dịch vụ phụ trợ khác nhằm nâng dần tỷ trọng dịch vụ ăn uống và các dịch vụ phụ trợ trong cơ cấu tổng doanh thu. Có phương án cụ thể khi tổ chức liên kết đầu tư và khai thác có hiệu quả các dịch vụ tại Bãi Bắc, Cù Lao Chàm, tàu Du lịch trên sông, trên Biển, các dịch vụ du lịch ở phía Tây của Tỉnh.

Về quản trị công tác đầu tư mở rộng quy mô phát triển doanh nghiệp

- Năm 2013, tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp nội, ngoại thất của khu lễ tân, nhà hàng Khu Du lịch Biển Hội An đảm bảo tiêu chuẩn hạng sao quốc tế 4+ sao.

- Nghiên cứu chuyển đổi công năng sử dụng của Xí nghiệp Giặt Hội An từ sử dụng điện năng sang sử dụng công nghệ đốt lò, nhằm giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh.

- Lập thủ tục để mua tài sản trên đất và thủ tục thuê đất để mở trường đào tạo du lịch tại Khu sản xuất Thủy tinh, Thành Hà.

- Tìm kiếm cơ hội để mua lại một vài khách sạn đảm bảo tiêu chuẩn 4 sao và nghiên cứu các dự án mới tại phía Tây của Tỉnh.

Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý toàn Công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị cơ sở và toàn Công ty:

- Giao cho Ban Điều hành Công ty điều hành tốt việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của các đơn vị; giao quyền tự chủ thật sự cho cơ sở nhằm tạo bước đột phá trong công tác quản lý kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh của mỗi đơn vị và tăng cường công tác điều hành các Phòng, bộ phận chức năng Công ty.

- Triển khai áp dụng hệ thống quy trình chuẩn trong điều hành, quản lý, các nghiệp vụ để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, chất lượng sản phẩm ngày càng chuyên nghiệp ở Công ty và cơ sở đảm bảo theo tiêu chí Bông sen xanh.

- Tập trung công tác đào tạo cán bộ quản lý cấp cơ sở để đảm bảo tính chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt các chế độ, chính sách về tiền lương, chế độ an sinh xã hội cho người lao động... nhằm tạo điều kiện cho người lao động yên tâm, gắn bó với doanh nghiệp. Tạo môi trường văn hoá doanh nghiệp dân chủ, kỷ cương, minh bạch.

- Củng cố, kiện toàn và tăng cường trách nhiệm của Hội đồng Quản trị để thực hiện có hiệu quả công tác quản trị và kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty.

Thực hiện quy hoạch, đào tạo và chính sách về cán bộ

- Kiện toàn tổ chức bộ máy toàn Công ty nhất là nhân sự chủ chốt các đơn vị trực thuộc, đồng thời tăng cường công tác luân chuyển cán bộ trong công ty để nâng cao năng lực công tác cán bộ.

- Tiếp tục thực hiện chính sách: vừa có chế độ thu hút cán bộ quản lý giỏi về làm việc ở Công ty, vừa có chính sách đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ... trong và ngoài nước cho cán bộ quản lý và người lao động để đảm bảo nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của doanh nghiệp.

PHẦN 3



QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hoạt động của Hội đồng quản trị 29

Hoạt động của Ban Kiểm soát 31

Thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát 32



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị



Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức 05 phiên họp định kỳ, căn cứ Quy chế hoạt động, Hội đồng Quản trị đảm bảo họp định kỳ mỗi quý một lần. Mỗi lần họp, Hội đồng Quản trị đều thống nhất nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị nội dung chu đáo để đưa ra cuộc họp.

Tại các cuộc họp, Hội đồng Quản trị đều kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết thời gian qua, đồng thời ra Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể trong thời gian đến, đảm bảo sát đúng các mục tiêu, yêu cầu phát triển của công ty. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị đã nghe Ban Điều hành công ty báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị; đồng thời chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các định hướng phát triển doanh nghiệp, khảo sát đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2012, tiến hành phê duyệt các hạng mục đầu tư theo chức năng và thẩm quyền được quy định và giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn của đơn vị.

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị đều có trách nhiệm bố trí thành viên thời gian tham dự, nghiên cứu tham gia ý kiến tại cuộc họp có chất lượng.

Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, để bầu lại Hội đồng quản trị mới cho nhiệm kỳ 2012-2017. Thông qua Đại hội cổ đông năm 2012, Hội đồng quản trị đã đề nghị và được Đại hội thống nhất sửa đổi một số nội dung của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ.

Thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông, chi trả cổ tức đợt II năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quyết định tạm ứng cổ tức đợt I năm 2012 theo mức 1.000 đồng/cổ phiếu.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp |
|---|---------------------|-----------------|-------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Ban | Chủ tịch HĐQT | 05/05 |
| 2 | Ông Lê Tiến Dũng | Thành viên HĐQT | 05/05 |
| 3 | Ông Võ Xuân Ca | Thành viên HĐQT | 05/05 |
| 4 | Ông Vũ Hiền | Thành viên HĐQT | 05/05 |
| 5 | Ông Nguyễn Lưu Thụy | Thành viên HĐQT | 05/05 |

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Là thành viên HĐQT độc lập | Lý do |
|-----|---------------------|-----------------|----------------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Ban | Chủ tịch HĐQT | Không | Là người đại diện phần vốn Nhà nước với tỷ lệ nắm giữ 56,5% |
| 2 | Ông Lê Tiến Dũng | Thành viên HĐQT | Không | Là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Võ Xuân Ca | Thành viên HĐQT | Thành viên độc lập | |
| 4 | Ông Vũ Hiền | Thành viên HĐQT | Không | Đại diện phần vốn của CT CP Tập đoàn đầu tư tài chính IPA nắm giữ 16,99% |
| 5 | Ông Nguyễn Lưu Thụy | Thành viên HĐQT | Không | Là cổ đông lớn nắm giữ 12,06% |

Hoạt động của Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

HĐQT Công ty có 01 thành viên độc lập là Ông Võ Xuân Ca. Trong năm 2012, thành viên này đều tham gia đầy đủ đồng thời đóng góp những ý kiến tích cực vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của HĐQT.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty hoặc tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2012

| | Số NQ, QĐ | Ngày | Nội dung |
|----|------------------|-------------|---|
| 1 | 05/2012/QĐ.HĐQT | 21/02/2012 | Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011, triển khai các công tác đại hội đồng cổ đông thường niên 2012. |
| 2 | 06/QĐ.HĐQT | 18/02/2012 | Ban hành quy chế tổ chức ĐHCĐ nhiệm kỳ 2012 – 2017. |
| 3 | 08/QĐ.HĐQT | 06/03/2012 | Phê duyệt phương án chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011. |
| 4 | 12/2012-NQ-HĐQT | 23/04/2012 | Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh quý I/2012 và tổng nhất kế hoạch kinh doanh và đầu tư quý II/2012. |
| 5 | 18/QĐ.HĐQT | 28/05/2012 | Thành lập BQLDA – KDLN |
| 6 | 20/QĐ.HĐQT | 30/05/2012 | Phê duyệt báo cáo KT-KT: hệ thống điều hòa. |
| 7 | 21/QĐ.HĐQT | 31/05/2012 | Phê duyệt kế hoạch chào giá: HM hệ thống điều hòa Daikin tại Khu Du lịch Biển. |
| 8 | 23/QĐ.HĐQT | 15/06/2012 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp hệ thống cửa Euro Window – Khách sạn Hội An. |
| 9 | 24/QĐ.HĐQT | 15/06/2012 | Phê duyệt hồ sơ dự toán hệ thống cửa Euro Window – Khách sạn Hội An. |
| 10 | 25/QĐ.HĐQT | 26/06/2012 | Phê duyệt kết quả chọn nhà cung cấp hệ thống điều hòa Daikin tại Khu Du lịch Biển. |
| 11 | 30/NQ.HĐQT | 23/07/2012 | Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh quý II/2012 |
| 12 | 34/20122/NQ.HĐQT | 22/10/2012 | Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh quý III/2012 |
| 13 | 38/20122/NQ.HĐQT | 29/12/2012 | Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh quý IV/2012 |
| 14 | 39/NQ.HĐQT | 29/12/2012 | QĐ bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Văn Cư – phụ trách đầu tư, QĐ có hiệu lực từ ngày 1/1/2013. |
| 15 | 40/NQ.HĐQT | 29/12/2012 | Ban hành Quy chế tài chính và hạch toán kinh doanh Công ty năm 2013, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013. |
| 16 | 41/NQ.HĐQT | 29/12/2012 | Ban hành quy chế tài chính và hạch toán kinh doanh Công ty năm 2013, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013. |





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Ban Kiểm soát



Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Quản lý khác trong Công ty.
- Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của công ty.
- Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2012.
- Thực hiện một số công việc khác theo quyết định của Đại hội cổ đông, qui định của Điều lệ và pháp luật.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2012:

Lần 1: Cuộc họp đầu tiên của Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát và lên kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2012.

Lần 2: Thực hiện công tác soát xét 6 tháng đầu năm 2012.

Lần 3: Thực hiện công tác soát xét cả năm 2012.

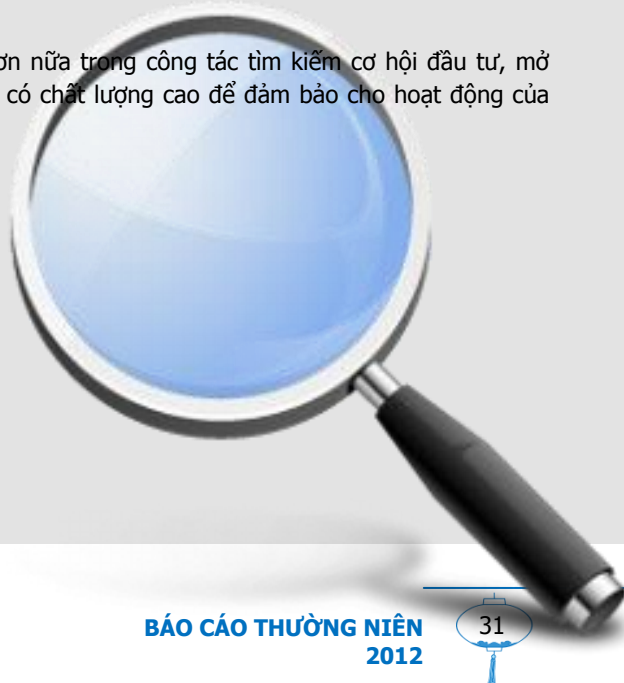
Đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

Về tính tuân thủ pháp luật kế toán, thuế, quy chế tài chính của Công ty:

- Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.
- Đã thực hiện công tác soát xét tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán cả năm 2012.
- Tuân thủ đúng Điều lệ của HĐQT, quy định của nhà nước về việc mua sắm, sửa chữa trong năm 2012.
- Về quản lý vốn, cần nâng cao hơn nữa khả năng khai thác vốn lưu động bằng tiền. Tổ chức khai thác vốn bằng hình thức đầu tư để nâng cao hiệu quả.
- Tuy nhiên, việc kiểm toán nội bộ giữa công ty và các đơn vị thành viên cần được quan tâm hơn nữa.

Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã duy trì chế độ họp định kỳ, ngoài ra, Chủ tịch HĐQT trực tiếp làm việc với Ban điều hành, các phòng ban công ty để tiến hành nghiên cứu các cơ hội đầu tư, chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn của Công ty, nên trong năm hoạt động của công ty ổn định.
- Tuy nhiên, đề nghị với HĐQT cần mạnh dạn và tích cực hơn nữa trong công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng qui mô doanh nghiệp, tìm và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao để đảm bảo cho hoạt động của công ty trong những năm tiếp theo.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS



☆ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm

| | Chức vụ | Lương | Thưởng | Thù lao/ lợi ích khác |
|--------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
| Hội đồng quản trị | | | | |
| Nguyễn Văn Ban | Chủ tịch | | 42.246.713 | 221.593.909 |
| Võ Xuân Ca | Thành viên (T3/2012) | | 23.470.396 | 123.107.727 |
| Vũ Hiền | Thành viên | | 28.164.476 | 147.729.273 |
| Nguyễn Lưu Thụy | Thành viên (T03/2012) | | 23.470.396 | 123.107.727 |
| Lê Tiến Dũng | Thành viên | | 28.164.476 | 147.729.273 |
| Hồ Thái Ba | Thành viên (T1+2/2012) | | 4.691.079 | 24.621.545 |
| Phân Hồng Quân | Thành viên (T1+2/2012) | | 4.691.079 | 24.621.545 |
| | Tổng cộng | | 154.898.615 | 812.510.999 |
| Ban Giám đốc | | | | |
| Lê Tiến Dũng | Tổng giám đốc | 540.000.000 | 86.360.000 | |
| Nguyễn Thị Ngọc Lan | Kế toán trưởng Công ty | 276.000.000 | 44.140.000 | |
| Nguyễn Văn Cư | Giám đốc ĐH KS Hội an (T03/2012) | 267.900.000 | 27.080.000 | |
| Lê Thị Thu Thủy | Giám đốc ĐH Khu DL Biển | 342.000.000 | 30.000.000 | |
| Nguyễn Trọng Tuấn | Giám đốc điều hành TTLH | 240.000.000 | 30.000.000 | |
| Trần Hân | Giám đốc điều hành XN Giặt | 180.000.000 | 30.000.000 | |
| | Tổng cộng | 1.845.900.000 | 247.580.000 | 0 |
| Ban kiểm soát | | | | |
| Hồ Thái Ba | Trưởng ban | | 23.709.890 | 124.363.929 |
| Nguyễn Tổng Sơn | Thành viên (T03/2012) | | 15.806.593 | 82.909.286 |
| Trần Đình Phong | Thành viên (T03/2012) | | 15.806.593 | 82.909.286 |
| Phan Minh Ánh | Nguyên trưởng ban (T1+2) | | 4.741.978 | 24.872.786 |
| Nguyễn Văn Cư | Thành viên (T1+2) | | 3.161.319 | 16.581.857 |
| Phạm Thị Hồng Hoa | Thành viên (T1+2) | | 3.161.319 | 16.581.857 |
| | Tổng cộng | | 66.387.692 | 348.219.001 |

Tổng chi phí phục vụ cho hoạt động của HĐQT và BKS đã chi năm 2012: 372 triệu đồng (Chi theo chứng từ thực tế phát sinh)

☆ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|----|---|--|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--------------------|
| | | | Số CP | Tỷ lệ | Số CP | Tỷ lệ | |
| 1 | Lê Tiến Dũng | Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc | 141.240 | 1,76% | 171.070 | 2,14% | Giao dịch cổ phiếu |
| 2 | CTCP Tập đoàn đầu tư IPA (Nhân sự chủ chốt tại TCNY: Ông Vũ Hiền) | Ủy viên HĐQT | 400.000 | 5% | 1.359.475 | 17% | Giao dịch cổ phiếu |

☆ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

☆ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị công ty theo qui định của pháp luật, của cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

PHẦN 4



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG



Văn hóa Doanh nghiệp 34

Trách nhiệm cộng đồng 35



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



Đi đôi với nhiệm vụ kinh doanh, Công ty không ngừng chú trọng đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và xem đây là một tài sản lớn vô hình, vô giá của Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững.

Công ty duy trì và thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, công nhân lao động, nhất là phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,... gắn với việc thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa", "Đảm bảo an ninh trật tự trong doanh nghiệp" ... nhằm góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra cho năm 2013.

Công ty duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp thông qua hoạt động phong trào "Đơn vị có đời sống văn hóa tốt" và phong trào "Xanh, sạch đẹp" để giữ được môi trường du lịch lành mạnh, nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động.

Bên cạnh đó Công ty còn tham gia có hiệu quả các phong trào văn hóa, các hoạt động thể thao do thành phố, tỉnh tổ chức.



TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, trong hơn 20 năm qua, Công ty luôn quan tâm đến công tác xã hội, nhân đạo và từ thiện. Xem đây là trách nhiệm, nghĩa cử đối với cộng đồng. Từ năm 2005 đến nay, Công ty nhận phụng dưỡng 4 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, đỡ đầu và chăm sóc 5 cháu con thương binh, con cựu thanh niên xung phong nhiễm chất độc màu da cam, các cháu học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ các cháu con của người lao động đỗ Đại học, Cao đẳng.

Từ Quỹ phúc lợi và sự vận động đóng góp của công nhân lao động, Công ty đã xây dựng vào trao tặng 18 nhà tình nghĩa, 10 nhà đại đoàn kết, tham gia tích cực vào các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em. Hằng năm Công ty huy động từ 150 – 200 triệu cho các hoạt động này.



PHẦN 5



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ý kiến kiểm toán 37

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 38



Số: 18/2013/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 21 tháng 02 năm 2013, từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2013

Kiểm toán viên

Phạm Quang Huy

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1409/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------|--|--------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| A - | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 47.840.836.538 | 47.223.951.971 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 19.474.503.346 | 29.810.923.099 |
| 1. | Tiền | 111 | | 5.974.503.346 | 8.704.756.432 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 13.500.000.000 | 21.106.166.667 |
| II. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 15.500.000.000 | 4.000.000.000 |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 15.500.000.000 | 4.000.000.000 |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.377.243.083 | 11.706.186.085 |
| 1. | Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 8.880.542.752 | 8.859.909.361 |
| 2. | Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 1.226.298.098 | 1.876.609.292 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 893.240.823 | 1.045.857.412 |
| 6. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (622.838.590) | (76.189.980) |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | | 1.650.978.198 | 1.347.001.195 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.650.978.198 | 1.347.001.195 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 838.111.911 | 359.841.592 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 838.111.911 | 359.841.592 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | - | - |

Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| B - | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 97.655.135.580 | 101.054.430.150 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 89.695.248.451 | 91.155.024.769 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 73.875.944.851 | 75.466.531.143 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 157.046.434.267 | 146.659.701.924 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (83.170.489.416) | (71.193.170.781) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 7.498.471.697 | 5.722.739.883 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 8.919.955.092 | 6.750.190.728 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.421.483.395) | (1.027.450.845) |
| 4. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.11 | 8.320.831.903 | 9.965.753.743 |
| III. | Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| | <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. | Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 7.959.887.129 | 9.899.405.381 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 7.535.868.254 | 9.174.697.824 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. | Tài sản dài hạn khác | 268 | V.13 | 424.018.875 | 724.707.557 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 145.495.972.118 | 148.278.382.121 |

Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | | 300 | | 26.525.057.271 | 29.899.272.880 |
| I. Nợ ngắn hạn | | 310 | | 26.458.057.271 | 29.685.989.061 |
| 1. | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | - |
| 2. | Phải trả người bán | 312 | V.14 | 3.962.584.273 | 6.997.252.788 |
| 3. | Người mua trả tiền trước | 313 | V.15 | 1.354.003.423 | 1.535.253.456 |
| 4. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.16 | 10.385.050.925 | 12.484.531.604 |
| 5. | Phải trả người lao động | 315 | | 8.301.630.025 | 7.045.358.696 |
| 6. | Chi phí phải trả | 316 | | - | - |
| 7. | Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 903.199.514 | 320.333.098 |
| 10. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.18 | 1.551.589.111 | 1.303.259.419 |
| 12. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | | 330 | | 67.000.000 | 213.283.819 |
| 1. | Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. | Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. | Phải trả dài hạn khác | 333 | V.19 | 67.000.000 | 74.000.000 |
| 4. | Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 139.283.819 |
| 7. | Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 400 | | 118.970.914.847 | 118.379.109.241 |
| I. Vốn chủ sở hữu | | 410 | V.20 | 118.970.914.847 | 118.379.109.241 |
| 1. | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. | Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. | Cổ phiếu quỹ | 414 | | (630.000) | (630.000) |
| 5. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. | Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 10.628.360.868 | 7.769.173.137 |
| 8. | Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 7.434.881.531 | 6.720.084.598 |
| 9. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 20.908.302.448 | 23.890.481.506 |
| 11. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | 430 | | - | - |
| 1. | Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 440 | | 145.495.972.118 | 148.278.382.121 |

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 80.668,86 | 45.245,53 |
| Euro (EUR) | | 1.110,00 | 995,00 |
| Yên Nhật (¥) | | - | 1.000,00 |
| Dollar Úc (AUD) | | 2.715,00 | 2.180,00 |
| Bảng Anh (£) | | 50,00 | 195,00 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Lập ngày 21 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HỘI AN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 158.624.237.465 | 132.359.663.563 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 435.461.400 | 603.365.983 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 158.188.776.065 | 131.756.297.580 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 102.564.341.495 | 88.864.304.886 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 55.624.434.570 | 42.891.992.694 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 2.084.542.780 | 3.289.997.431 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 24.174.952 | 82.534.595 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 4.925.745.321 | 4.431.015.291 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 7.496.558.012 | 5.765.427.559 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 45.262.499.065 | 35.903.012.680 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 276.863.759 | 574.463.484 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 103.099.647 | 344.277.015 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 173.764.112 | 230.186.469 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 45.436.263.177 | 36.133.199.149 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 11.611.387.853 | 8.014.607.709 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 33.824.875.324 | 28.118.591.440 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 4.228 | 3.515 |

Lập ngày 21 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 45.436.263.177 | 36.133.199.149 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 12.806.444.689 | 9.957.606.616 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 546.648.610 | (3.500.871) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 1.255.358 | 9.993.813 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.694.756.799) | (3.235.298.024) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 57.095.855.035 | 42.862.000.683 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 273.518.715 | 12.024.009.458 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (303.977.003) | (332.725.631) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (3.354.663.208) | 16.423.569.291 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.160.559.251 | (4.523.924.248) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (11.869.671.614) | (8.014.607.709) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 435.000.000 | (7.492.217.853) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (6.064.862.805) | 2.711.089.082 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 37.371.758.371 | 53.657.193.073 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (11.360.566.407) | (29.762.741.068) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 30.108.182 | 287.190.907 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (11.500.000.000) | (4.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 16.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 2.187.322.330 | 2.949.363.110 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (20.643.135.895) | (14.526.187.051) |

Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2012

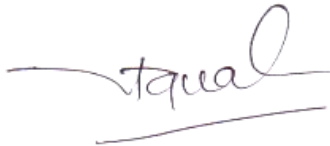
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------------|---|--------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. | Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | - |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (27.063.786.871) | (17.717.578.625) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (27.063.786.871) | (17.717.578.625) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (10.335.164.395) | 21.413.427.397 |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 29.810.923.099 | 8.407.489.515 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (1.255.358) | (9.993.813) |
| | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 19.474.503.346 | 29.810.923.099 |

Lập ngày 21 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, khách sạn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Dịch vụ ăn uống.
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.
- Dịch vụ bán vé máy bay.
- Dịch vụ giặt là.

4. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 503 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 483 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Áp dụng qui định kế toán mới**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ

trường Bộ Tài chính. Các quy định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 3 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 |

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến cải tạo khách sạn, văn phòng làm việc chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng trước ngày 01 tháng 10 năm 2012 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

| | | | | |
|---|------------|---|-----------|---------|
| Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: | 31/12/2011 | : | 20.828 | VND/USD |
| | | : | 27.044,41 | VND/EUR |
| | | : | 266,76 | VND/JPY |
| | | : | 20.646,50 | VND/AUD |
| | | : | 32.276,80 | VND/GBP |
| | 31/12/2012 | : | 20.815 | VND/USD |
| | | : | 27.171,95 | VND/EUR |
| | | : | 21.931 | VND/AUD |
| | | : | 32.268,85 | VND/GBP |

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 914.305.983 | 844.396.516 |
| Tiền gửi ngân hàng | 4.639.862.464 | 7.672.531.262 |
| Tiền đang chuyển | 420.334.899 | 187.828.654 |
| Các khoản tương đương tiền | 13.500.000.000 | 21.106.166.667 |
| Cộng | 19.474.503.346 | 29.810.923.099 |

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty | 636.697.500 | 1.050.051.921 |
| Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An | 3.306.075.848 | 4.047.902.502 |
| Phải thu khách hàng của Khu du lịch biển | 3.282.010.791 | 2.554.735.120 |
| Phải thu khách hàng của Trung Tâm Lễ hành | 1.076.472.923 | 771.760.348 |
| Phải thu khách hàng của Xí nghiệp Giặt | 579.285.690 | 435.459.470 |
| Cộng | 8.880.542.752 | 8.859.909.361 |

4. Trả trước cho người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Trả trước người bán của văn Phòng Công ty | 940.591.098 | 1.563.452.812 |
| Trả trước người bán cho Khách sạn Hội An | 44.225.000 | - |
| Trả trước người bán cho Trung tâm Lễ hành | 241.482.000 | 313.156.480 |
| Cộng | 1.226.298.098 | 1.876.609.292 |

5. Các khoản phải thu khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| Phòng vé máy bay | 664.337.103 | 350.583.063 |
| Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 166.169.656 | 674.945.333 |
| Phải thu tiền BHXH | 62.081.862 | 20.329.016 |
| Phải thu khác | 652.202 | - |
| Cộng | 893.240.823 | 1.045.857.412 |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 454.688.250 | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm | - | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | - | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | 424.688.250 | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên | 30.000.000 | - |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | 168.150.340 | 76.189.980 |
| Cộng | 622.838.590 | 76.189.980 |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 76.189.980 | 109.301.351 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 622.838.590 | 38.094.990 |
| Hoàn nhập dự phòng | (76.189.980) | (71.206.361) |
| Số cuối năm | 622.838.590 | 76.189.980 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 249.365.700 | 332.280.791 |
| Công cụ, dụng cụ | 994.892.707 | 649.887.144 |
| Hàng hóa | 406.719.791 | 364.833.260 |
| Cộng | 1.650.978.198 | 1.347.001.195 |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-------------|-------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 257.083.012 | 231.593.601 |
| Chi phí bảo hiểm | 97.554.988 | 73.955.213 |
| Chi phí quản trị mạng | 128.469.409 | - |
| Chi phí đào tạo tiếng Anh | 264.384.000 | - |
| Các khoản chi phí thuê ngoài khác | 90.620.502 | 54.292.778 |

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|------------------------|
| Cộng | 838.111.911 | | | 359.841.592 | |
| 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình | | | | | |
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 102.189.525.055 | 23.530.715.373 | 18.061.683.774 | 2.877.777.722 | 146.659.701.924 |
| Tăng trong năm | 2.343.613.599 | 2.737.554.080 | 5.432.097.317 | 373.285.251 | 10.886.550.247 |
| <i>Mua sắm mới</i> | <i>113.560.909</i> | <i>1.533.813.375</i> | <i>374.595.455</i> | <i>373.285.251</i> | <i>2.395.254.990</i> |
| <i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i> | <i>2.091.598.508</i> | <i>1.203.740.705</i> | <i>5.057.501.862</i> | - | <i>8.352.841.075</i> |
| <i>Điều chỉnh theo quyết toán</i> | <i>138.454.182</i> | - | - | - | <i>138.454.182</i> |
| Giảm trong năm | 98.057.917 | 323.203.276 | 38.020.592 | 40.536.119 | 499.817.904 |
| <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | <i>47.231.553</i> | <i>323.203.276</i> | <i>38.020.592</i> | <i>40.536.119</i> | <i>448.991.540</i> |
| <i>Điều chỉnh theo quyết toán</i> | <i>50.826.364</i> | - | - | - | <i>50.826.364</i> |
| Số cuối năm | 104.435.080.737 | 25.945.066.177 | 23.455.760.499 | 3.210.526.854 | 157.046.434.267 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>10.426.850.178</i> | <i>7.556.177.706</i> | <i>4.936.971.469</i> | <i>407.543.318</i> | <i>23.327.542.671</i> |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 48.228.622.766 | 12.926.608.317 | 9.065.612.207 | 972.327.491 | 71.193.170.781 |
| Tăng do trích khấu hao | 6.692.200.883 | 3.031.072.711 | 2.054.730.974 | 634.407.571 | 12.412.412.139 |
| Giảm do thanh lý, nhuận bán | 47.231.553 | 309.305.240 | 38.020.592 | 40.536.119 | 435.093.504 |
| Số cuối năm | 54.873.592.096 | 15.648.375.788 | 11.082.322.589 | 1.566.198.943 | 83.170.489.416 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 53.960.902.289 | 10.604.107.056 | 8.996.071.567 | 1.905.450.231 | 75.466.531.143 |

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------|
| Số cuối năm | 49.561.488.641 | 10.296.690.389 | 12.373.437.910 | 1.644.327.911 | 73.875.944.851 |

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 5.574.180.000 | 1.176.010.728 | 6.750.190.728 |
| Tăng trong năm | 1.789.764.364 | 380.000.000 | 2.169.764.364 |
| Số cuối năm | 7.363.944.364 | 1.556.010.728 | 8.919.955.092 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 60.189.067 | 967.261.778 | 1.027.450.845 |
| Tăng do trích khấu hao | 90.283.600 | 303.748.950 | 394.032.550 |
| Số cuối năm | 150.472.667 | 1.271.010.728 | 1.421.483.395 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 5.513.990.933 | 208.748.950 | 5.722.739.883 |
| Số cuối năm | 7.213.471.697 | 285.000.000 | 7.498.471.697 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|--|---------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|---------------|
| Công trình cải tạo các hạng mục tại Khách sạn Hội An | 3.636.364 | 2.093.098.508 | 2.091.598.508 | - | 5.136.364 |
| Khu sinh thái Biển | 6.979.727.758 | - | - | - | 6.979.727.758 |
| Xây dựng hệ thống IPTV | 2.950.101.166 | 2.107.400.696 | 5.057.501.862 | - | - |
| Công trình cải tạo các hạng mục ở Khu Du lịch Biển | - | 2.507.420.031 | 1.203.740.705 | - | 1.303.679.326 |
| Hạng mục cải tạo | - | 705.283.007 | - | 705.283.007 | - |

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|-----------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| TTLH - VP làm việc | | | | | |
| Dự án mua Label Hà My | 32.288.455 | - | - | - | 32.288.455 |
| Cộng | 9.965.753.743 | 7.413.202.242 | 8.352.841.075 | 705.283.007 | 8.320.831.903 |

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ | 2.829.021.361 | 1.674.330.380 | 2.078.270.506 | 2.425.081.235 |
| Chi phí thuê nhà, mặt bằng | | | | |
| Quảng cáo | 39.000.000 | - | 12.000.000 | 27.000.000 |
| Chi phí bảo hiểm tài sản | 5.410.817 | - | 5.410.817 | - |
| Chi phí sửa chữa khách sạn | 5.359.104.805 | 705.283.007 | 1.858.478.142 | 4.205.909.670 |
| Chi phí đào tạo nhân viên | 100.741.255 | - | 33.580.418 | 67.160.837 |
| Chi phí tiếp thị quảng cáo | 457.946.145 | - | 256.728.750 | 201.217.395 |
| Chi phí bảo trì phần mềm | 368.079.691 | 480.163.200 | 250.151.524 | 598.091.367 |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài | 15.393.750 | 8.646.000 | 12.632.000 | 11.407.750 |
| Cộng | 9.174.697.824 | 2.868.422.587 | 4.507.252.157 | 7.535.868.254 |

13. Tài sản dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------|
| Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo thông tư 03/2002/TT-NHNN về quản lý tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lữ hành | 291.154.075 | 284.707.557 |
| Ký quỹ tại sở kế hoạch đầu tư để đảm bảo thực hiện đầu tư Khu du lịch sinh thái biển Hội An | - | 435.000.000 |
| Ký quỹ tại Công ty Thông tin Du lịch Việt Nguồn - Đặt cọc phí khai thác dịch vụ hỗ trợ khách du lịch | 37.864.800 | - |
| Tiền đặt cọc thuê mặt bằng làm việc tại TP HCM | 40.000.000 | - |
| Ký cược hợp đồng với Công ty Metro Cash & Carry | 50.000.000 | - |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kỹ quỹ tại hãng Taxi Vina Sun | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Cộng | 424.018.875 | 724.707.557 |

14. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Nhà cung cấp cho Văn Phòng Công ty | 2.012.579.836 | 4.821.633.730 |
| Nhà cung cấp cho Khách sạn Hội An | 1.272.192.861 | 1.760.550.096 |
| Nhà cung cấp cho Khu du lịch Biển Hội An | 358.722.946 | 279.608.027 |
| Nhà cung cấp cho Trung tâm Lễ hành | 175.194.739 | 117.817.460 |
| Nhà cung cấp cho Xí nghiệp Giặt | 143.893.891 | 17.643.475 |
| Cộng | 3.962.584.273 | 6.997.252.788 |

15. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Khách hàng của Văn phòng Công ty | - | 76.789.450 |
| Khách hàng của Khách sạn Hội An | 197.047.810 | 508.551.767 |
| Khách hàng của Khu du lịch Biển Hội An | 924.054.253 | 449.576.344 |
| Khách hàng của Trung tâm Lễ Hành | 232.901.360 | 500.335.895 |
| Cộng | 1.354.003.423 | 1.535.253.456 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 609.213.059 | 12.131.607.970 | 11.989.613.253 | 751.207.776 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 47.211.803 | 435.461.400 | 445.737.472 | 36.935.731 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.242.149.234 | 11.611.387.853 | 11.869.671.614 | 3.983.865.473 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 124.049.758 | 620.274.674 | 705.862.487 | 38.461.945 |
| Tiền thuê đất | 1.887.327.750 | (248.749.305) | 1.638.578.445 | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 5.574.580.000 | 9.000.000 | 9.000.000 | 5.574.580.000 |
| Cộng | 12.484.531.604 | 24.558.982.592 | 26.658.463.271 | 10.385.050.925 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 45.436.263.177 | 36.133.199.149 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 1.009.288.228 | 846.293.069 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.009.288.228 | 846.293.069 |
| Thù lao hội đồng quản trị | 996.418.870 | 717.755.844 |
| Chi phí không hợp lệ | 11.614.000 | 128.537.225 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.255.358 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 46.445.551.405 | 36.979.492.218 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 46.445.551.405 | 36.979.492.218 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 11.611.387.853 | 9.244.873.056 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 11.611.387.853 | 9.244.873.056 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | (1.230.265.347) |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 11.611.387.853 | 8.014.607.709 |

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 132.974.554 | 125.781.139 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 4.644.348 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 87.506.272 | 90.104.604 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | 232.148.223 | 45.272.223 |
| Phải trả phải nộp khác | 450.570.465 | 54.530.784 |
| Cộng | 903.199.514 | 320.333.098 |

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 828.805.198 | 5.457.084.246 | 5.268.714.244 | 1.017.175.200 |
| Quỹ phúc lợi | 474.454.221 | 714.796.933 | 654.837.243 | 534.413.911 |
| Cộng | 1.303.259.419 | 6.171.881.179 | 5.923.551.487 | 1.551.589.111 |

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 80.000.000.000 | (630.000) | 5.634.379.244 | 6.293.125.819 | 21.411.856.011 | 113.338.731.074 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 28.118.591.440 | 28.118.591.440 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | 2.134.793.893 | 426.958.779 | (7.921.176.632) | (5.359.423.960) |
| Chia cổ tức năm trước | - | - | - | - | (17.718.789.313) | (17.718.789.313) |
| Số cuối năm trước | 80.000.000.000 | (630.000) | 7.769.173.137 | 6.720.084.598 | 23.890.481.506 | 118.379.109.241 |
| Số đầu năm nay | 80.000.000.000 | (630.000) | 7.769.173.137 | 6.720.084.598 | 23.890.481.506 | 118.379.109.241 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 33.824.875.324 | 33.824.875.324 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | - | 2.859.187.731 | 714.796.933 | (9.745.865.843) | (6.171.881.179) |

Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2012

| | | | | | | |
|------------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Chia cổ tức năm nay | - | - | - | - | (27.061.188.539) | (27.061.188.539) |
| Số cuối năm nay | 80.000.000.000 | (630.000) | 10.628.360.868 | 7.434.881.531 | 20.908.302.448 | 118.970.914.847 |

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | Năm nay |
|------------------------|-----------------------|
| Trả cổ tức năm trước | 19.063.849.871 |
| Tạm ứng cổ tức năm nay | 7.999.937.000 |
| Cộng | 27.063.786.871 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 8.000.000 | <i>8.000.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 63 | 63 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>63</i> | <i>63</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7.999.937 | 7.999.937 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>7.999.937</i> | <i>7.999.937</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu | 158.624.237.465 | 132.359.663.563 |
| <i>Doanh thu Dịch vụ khách sạn</i> | <i>89.014.969.206</i> | <i>73.962.594.477</i> |
| <i>Doanh thu Dịch vụ nhà hàng</i> | <i>36.946.089.324</i> | <i>33.642.693.152</i> |
| <i>Doanh thu Dịch vụ lữ hành du lịch</i> | <i>25.681.759.153</i> | <i>20.824.305.730</i> |
| <i>Doanh thu Dịch vụ Spa</i> | <i>1.421.477.725</i> | <i>1.761.850.692</i> |
| <i>Doanh thu Dịch vụ giặt là</i> | <i>4.718.270.121</i> | <i>1.507.352.140</i> |
| <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | <i>841.671.936</i> | <i>660.867.372</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | | |
| <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | <i>(435.461.400)</i> | <i>(603.365.983)</i> |
| Doanh thu thuần | 158.188.776.065 | 131.756.297.580 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Giá vốn Dịch vụ khách sạn | 50.258.164.969 | 45.510.370.142 |
| Giá vốn Dịch vụ nhà hàng | 21.649.600.987 | 18.024.126.559 |
| Giá vốn Dịch vụ lữ hành du lịch | 23.756.814.500 | 20.534.095.512 |
| Giá vốn Dịch vụ Spa | 96.047.846 | 60.538.988 |
| Giá vốn Dịch vụ giặt là | 6.740.562.438 | 4.553.457.365 |
| Giá vốn dịch vụ khác | 63.150.755 | 181.716.320 |
| Cộng | 102.564.341.495 | 88.864.304.886 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.678.546.653 | 2.949.363.110 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 395.758.758 | 132.505.569 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 10.237.369 | 208.128.752 |
| Cộng | 2.084.542.780 | 3.289.997.431 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.255.358 | 9.993.813 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 22.919.594 | 72.540.782 |
| Cộng | 24.174.952 | 82.534.595 |

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.436.258.530 | 1.253.182.720 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 13.576.635 | 47.255.595 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 28.856.364 | 686.869 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 526.528.225 | 713.884.783 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.920.525.567 | 2.416.005.324 |
| Cộng | 4.925.745.321 | 4.431.015.291 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.008.846.698 | 2.992.423.332 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 27.112.009 | 39.872.232 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 268.506.965 | 315.549.534 |
| Thuế, phí và lệ phí | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Chi phí dự phòng | 546.648.610 | (3.500.871) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.218.978.380 | 961.572.225 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.417.465.350 | 1.450.511.107 |
| Cộng | 7.496.558.012 | 5.765.427.559 |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------|-------------|
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 30.108.182 | 289.090.909 |
| Thanh lý các vật liệu hỏng | 214.509.545 | 262.006.359 |
| Xử lý công nợ | 19.515.323 | 11.501.794 |
| Tiền bán hồ sơ mời thầu | - | 1.818.180 |

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền chiết khấu, khuyến mại | - | 6.144.433 |
| Thu nhập khác | 12.730.709 | 3.901.809 |
| Cộng | 276.863.759 | 574.463.484 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|--------------------|
| Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | 13.898.036 | 1.255.993 |
| Giá trị còn lại công cụ dụng cụ thanh lý | 29.854.476 | 15.731.745 |
| Xử lý công nợ nhỏ lẻ | 29.387.915 | 5.807.307 |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 2.055.455 | 3.718.182 |
| Chi phí sửa chữa xe | - | 142.960.500 |
| Nộp phạt thuế | - | 121.524.225 |
| Chi phí khác | 27.903.765 | 53.279.063 |
| Cộng | 103.099.647 | 344.277.015 |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 33.824.875.324 | 28.118.591.440 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 33.824.875.324 | 28.118.591.440 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 7.999.937 | 7.999.937 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.228 | 3.515 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 7.999.937 | 7.999.937 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 7.999.937 | 7.999.937 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|----------------------|--------------------|
| Tiền lương | 1.442.833.669 | 935.798.000 |
| Tiền thưởng | | 11.596.000 |
| Cộng | 1.442.833.669 | 947.394.000 |

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực A: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Lĩnh vực B: Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
- Lĩnh vực C: Kinh doanh dịch vụ giặt là và dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Dịch vụ khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 127.788.746.791 | 25.681.759.153 | 4.718.270.121 | | 158.188.776.065 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 1.631.112.119 | 934.935.244 | 934.935.244 | (3.500.982.607) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 129.419.858.910 | 26.616.694.397 | 5.653.205.365 | (3.500.982.607) | 158.188.776.065 |
| Chi phí bộ phận | 72.066.964.557 | 23.756.814.500 | 6.740.562.438 | | 102.564.341.495 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 57.352.894.353 | 2.859.879.897 | (1.087.357.073) | (3.500.982.607) | 55.624.434.570 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (12.422.303.333) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 43.202.131.237 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 42.194.642 | 18.447.657 | 2.023.900.481 | - | 2.084.542.780 |
| Chi phí tài chính | 14.502.219 | 182.004 | 9.490.729 | - | (24.174.952) |
| Thu nhập khác | 210.169.977 | 35.456.719 | 31.237.063 | - | 276.863.759 |

Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2012

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Dịch vụ khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí khác | 29.055.078 | 30.187.313 | 43.857.256 | - | (103.099.647) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | | 11.611.387.853 | - | (11.611.387.853) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 57.561.701.675 | 2.883.414.956 | (10.696.955.367) | (3.500.982.607) | 33.824.875.324 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 11.160.646.574 | 3.334.977.615 | 438.647.812 | - | 14.934.272.001 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 14.062.317.908 | 1.345.908.998 | 1.905.469.940 | - | 17.313.696.846 |
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 108.952.112.627 | 21.300.019.317 | 1.504.165.636 | - | 131.756.297.580 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 1.351.436.405 | 861.257.958 | 3.183.821.428 | (5.396.515.791) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 110.303.549.032 | 22.161.277.275 | 4.687.987.064 | (5.396.515.791) | 131.756.297.580 |
| Chi phí bộ phận | 62.452.417.114 | 19.612.700.684 | 6.351.351.460 | | 88.416.469.258 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 47.851.131.918 | 2.548.576.591 | (1.663.364.396) | (5.396.515.791) | 43.339.828.322 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (10.644.278.478) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 32.695.549.844 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 76.786.264 | 12.303.849 | 3.200.907.318 | - | 3.289.997.431 |
| Chi phí tài chính | 71.783.902 | 1.433.431 | 9.317.262 | - | 82.534.595 |
| Thu nhập khác | 260.089.339 | 17.689.087 | 296.685.058 | - | 574.463.484 |
| Chi phí khác | 20.958.841 | 25.782.525 | 297.535.649 | - | 344.277.015 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | | 8.014.607.709 | - | 8.014.607.709 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 48.095.264.778 | 2.551.353.571 | (17.131.511.118) | (5.396.515.791) | 28.118.591.440 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 29.188.306.297 | 776.345.085 | 7.432.224.136 | - | 37.396.875.518 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 9.726.739.871 | 1.057.661.232 | 2.270.927.929 | - | 13.055.329.032 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Dịch vụ khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|---------------------|---------------|-----------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 11.857.637.091 | 3.097.139.363 | 115.041.195.664 | - | 129.995.972.118 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 15.500.000.000 | - | 15.500.000.000 |
| Tổng tài sản | | | | - | 145.495.972.118 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 7.908.853.149 | 1.312.438.437 | 15.752.176.574 | - | 24.973.468.160 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | 1.551.589.111 | - | 1.551.589.111 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 26.525.057.271 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 12.217.512.387 | 2.596.310.807 | 126.464.558.927 | - | 141.278.382.121 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 7.000.000.000 | - | 7.000.000.000 |
| Tổng tài sản | | | | | 148.278.382.121 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 7.367.411.695 | 1.207.478.469 | 20.021.123.297 | - | 28.596.013.461 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | 1.303.259.419 | - | 1.303.259.419 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 29.899.272.880 |

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng .

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.474.503.346 | 29.810.923.099 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 15.500.000.000 | 4.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 8.880.542.752 | 8.859.909.361 |
| Các khoản phải thu khác | 1.317.259.698 | 1.770.564.969 |
| Cộng | 45.172.305.796 | 44.441.397.429 |

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|--|---------------------------------------|--|---------------------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.474.503.346 | - | - | - | 19.474.503.346 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 15.500.000.000 | - | - | - | 15.500.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 8.075.694.912 | 168.150.340 | - | 636.697.500 | 8.880.542.752 |
| Các khoản phải thu khác | 1.317.259.698 | - | - | - | 1.317.259.698 |
| Cộng | 44.367.457.956 | 168.150.340 | - | 636.697.500 | 45.172.305.796 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 29.810.923.099 | - | - | - | 29.810.923.099 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.000.000.000 | - | - | - | 4.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 8.783.719.381 | 76.189.980 | - | - | 8.859.909.361 |

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Các khoản phải thu khác | 1.770.564.969 | - | - | - | 1.770.564.969 |
| Cộng | 44.365.207.449 | 76.189.980 | - | - | 44.441.397.429 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|----------------------|----------------------|------------|----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 3.962.584.273 | - | - | 3.962.584.273 |
| Các khoản phải trả khác | 903.199.514 | 67.000.000 | - | 970.199.514 |
| Cộng | 4.865.783.787 | 67.000.000 | - | 4.932.783.787 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 6.997.252.788 | - | - | 6.997.252.788 |
| Các khoản phải trả khác | 320.333.098 | 74.000.000 | - | 394.333.098 |
| Cộng | 7.317.585.886 | 74.000.000 | - | 7.391.585.886 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do dư ngoại tệ cuối năm là nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.500.000.000 | 21.106.166.667,00 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 15.500.000.000 | 4.000.000.000,00 |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | 29.000.000.000 | 25.106.166.667,00 |

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | | |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Giá trị hợp lý | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.474.503.346 | - | 29.810.923.099 | - | 19.474.503.346 | 29.810.923.099 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 15.500.000.000 | - | 4.000.000.000 | - | 15.500.000.000 | 4.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 8.880.542.752 | (622.838.590) | 8.859.909.361 | (76.189.980) | 8.257.704.162 | 8.783.719.381 |
| Các khoản phải thu khác | 1.317.259.698 | - | 1.770.564.969 | - | 893.240.823 | 1.045.857.412 |
| Cộng | 45.172.305.796 | (622.838.590) | 44.441.397.429 | (76.189.980) | 44.125.448.331 | 43.640.499.892 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | |
|-------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả người bán | 3.962.584.273 | 6.997.252.788 | 3.962.584.273 | 6.997.252.788 |
| Các khoản phải trả khác | 970.199.514 | 394.333.098 | 970.199.514 | 394.333.098 |
| Cộng | 4.932.783.787 | 7.391.585.886 | 4.932.783.787 | 7.391.585.886 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng